

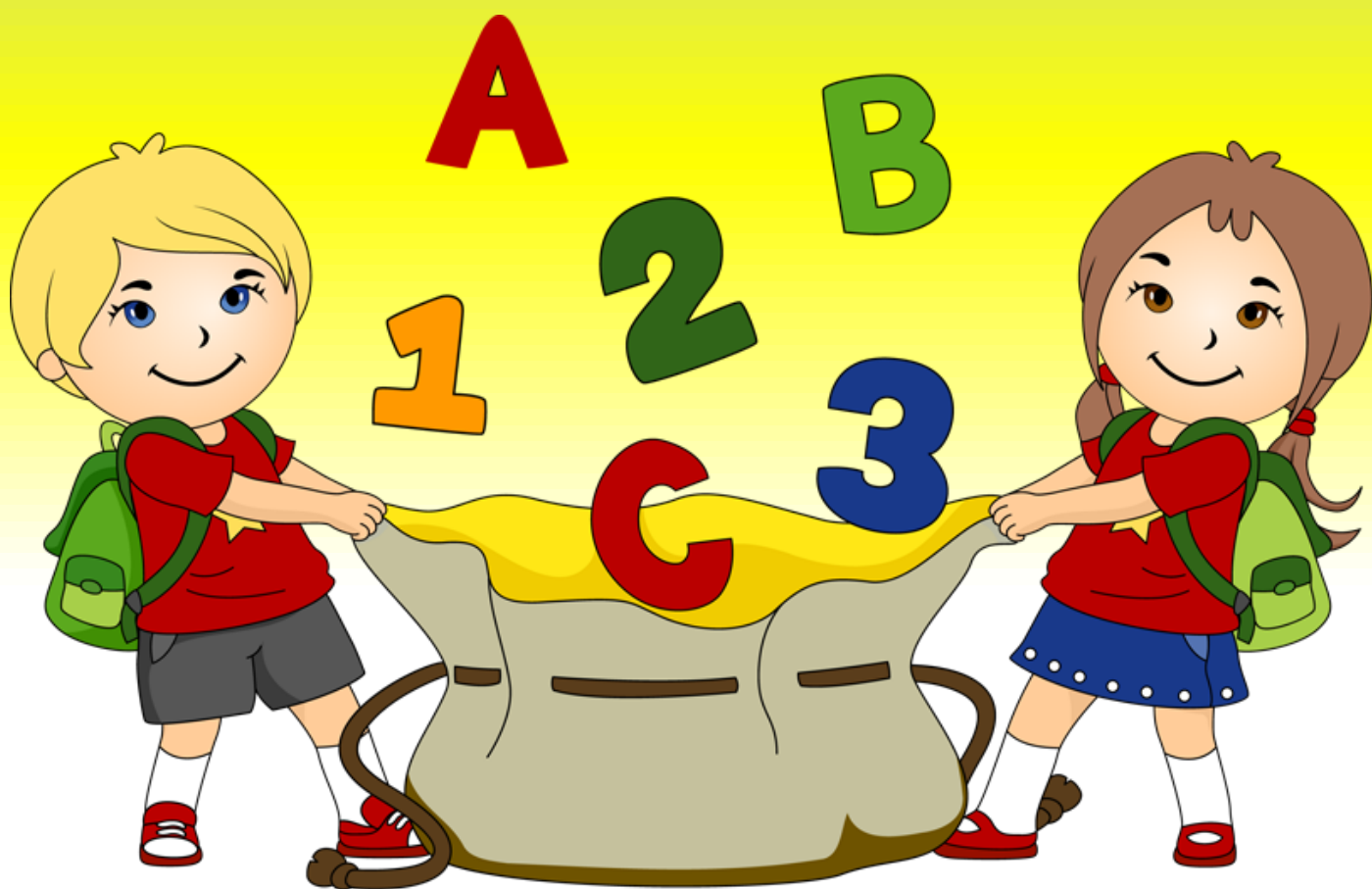
BÉ HỌC TOÁN

Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1

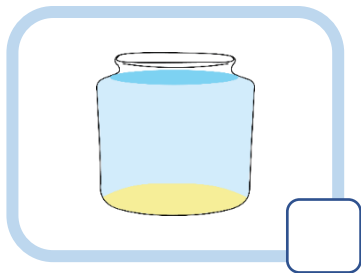
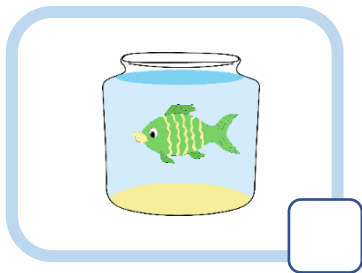
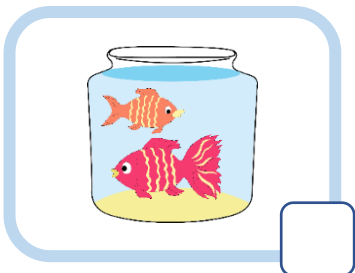
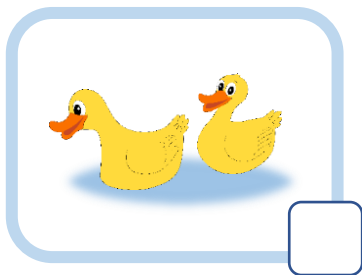
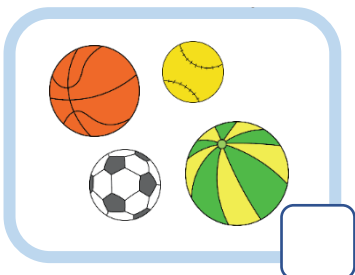
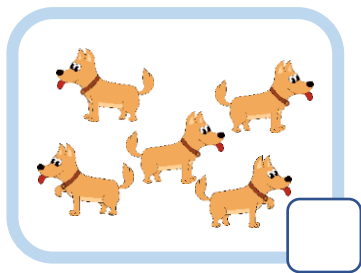
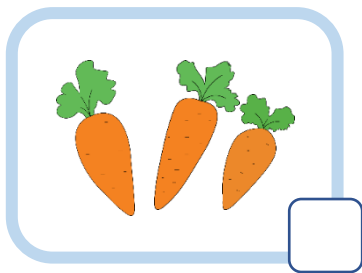
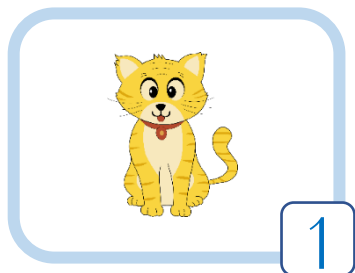


Cuốn sách này của:.....

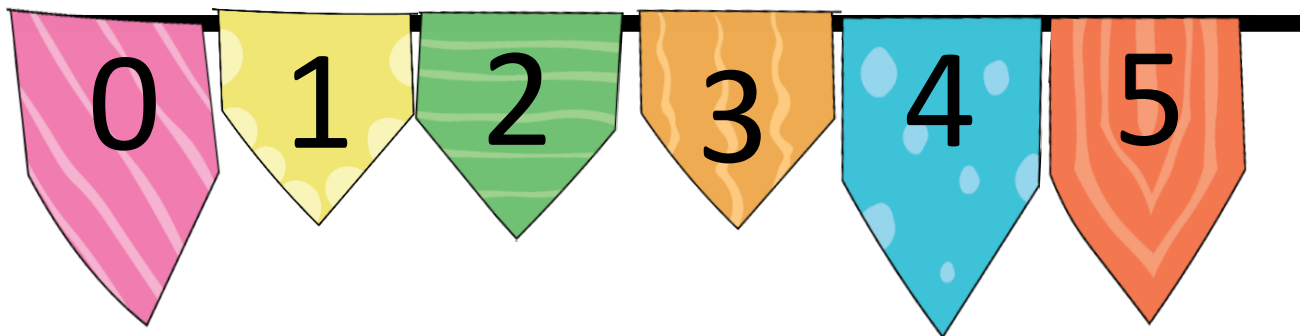
BÉ HỌC TOÁN



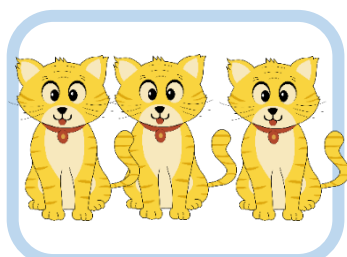
1 SỐ ? Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5



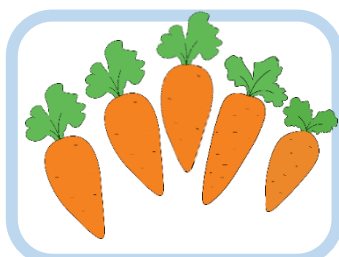
2 Nối ?



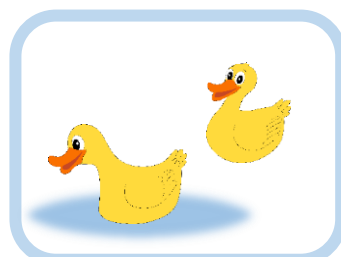
3 Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu)



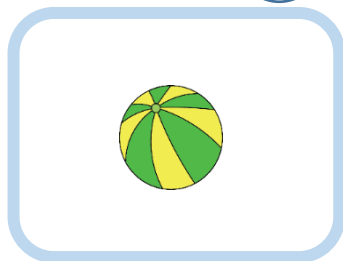
1 2 3



3 4 5



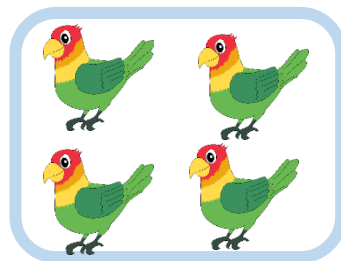
2 3 4



1 2 3



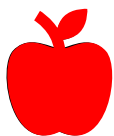
0 1 2



2 3 4

4 Tô màu quả táo (theo mẫu)

2



5



1



3

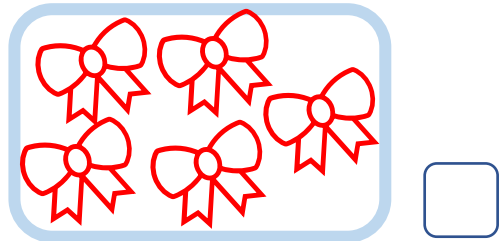
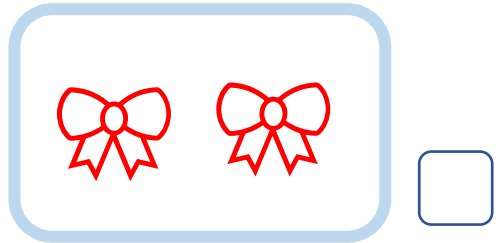
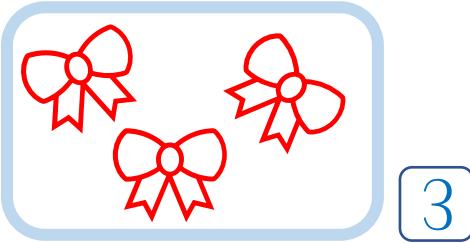
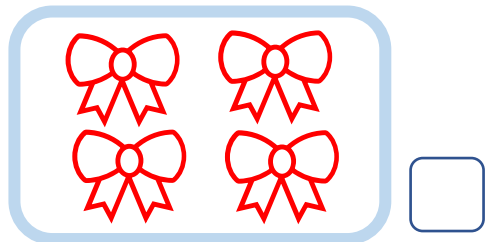
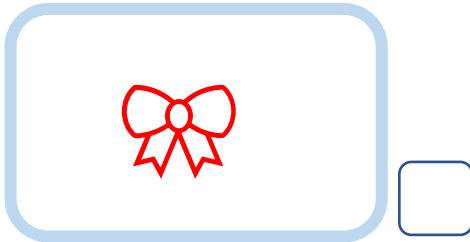


4





5. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu)



6. Viết số thích hợp vào ô trống.





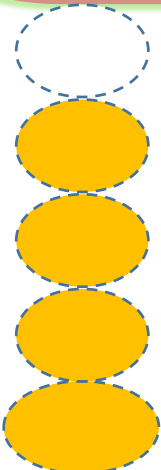
Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu)



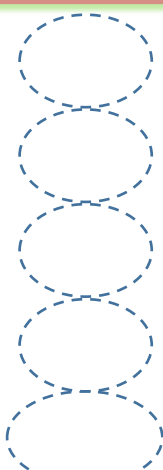
5



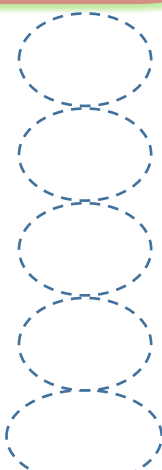
Tô màu (theo mẫu)



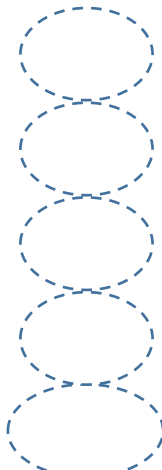
4



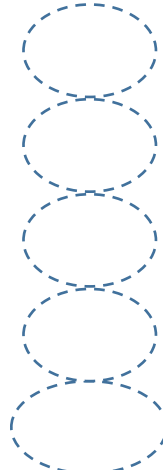
2



3



5



0

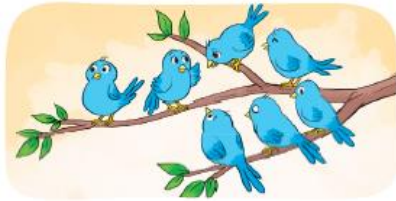
Các số 6, 7, 8, 9, 10



6



sáu



7



bảy



8



tám



9



chín



10



mười

1 Số ?





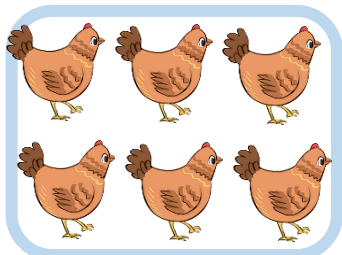




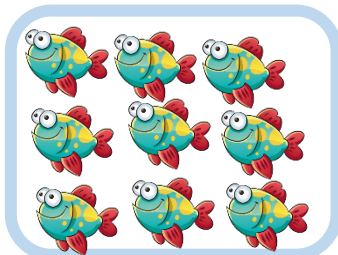




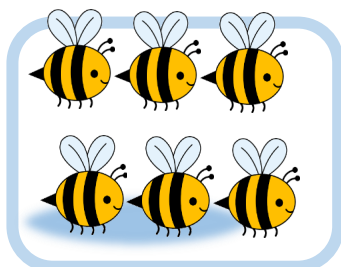
2 Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu)



6 7 8



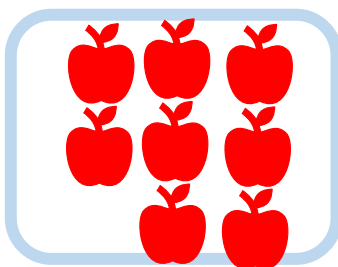
7 8 9



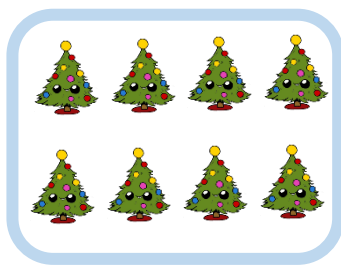
6 7 8



8 9 10



7 8 9



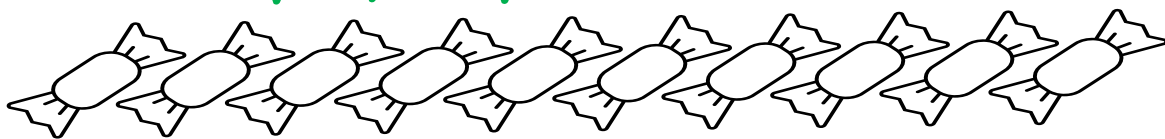
8 9 10

3 Tô màu (theo mẫu)

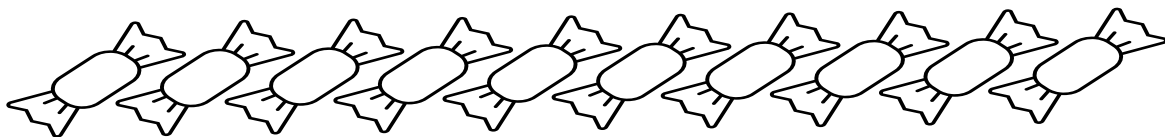
9



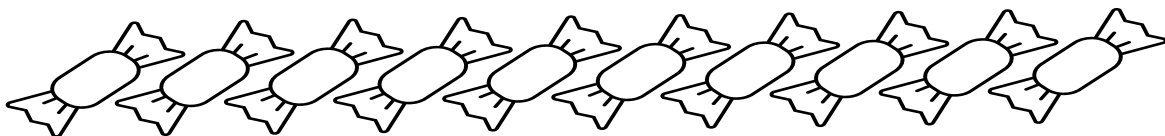
7



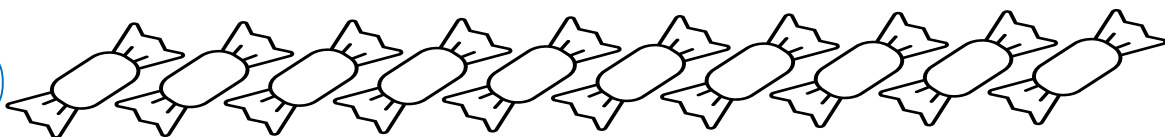
8



6

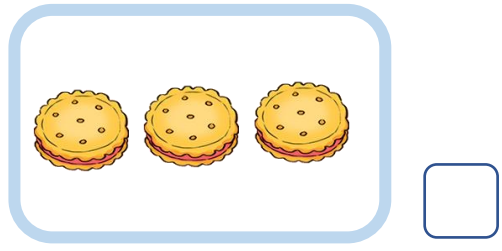
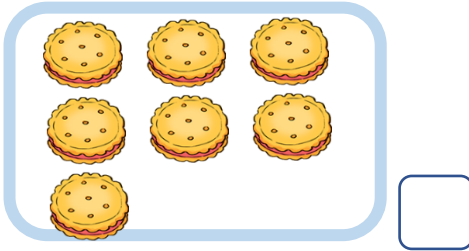
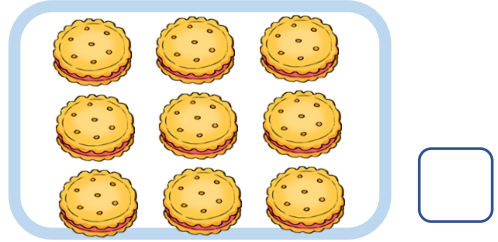
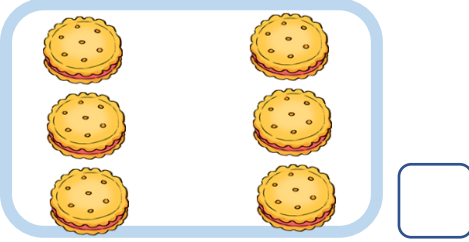
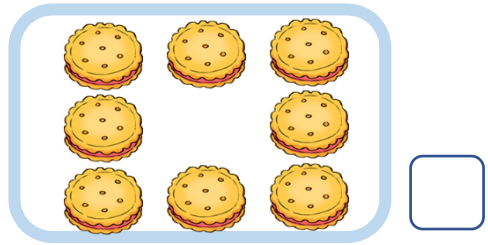
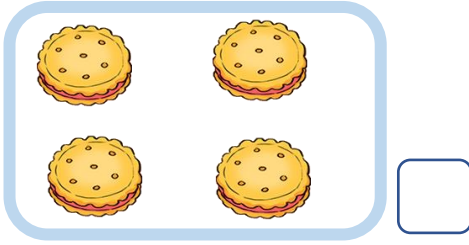


10

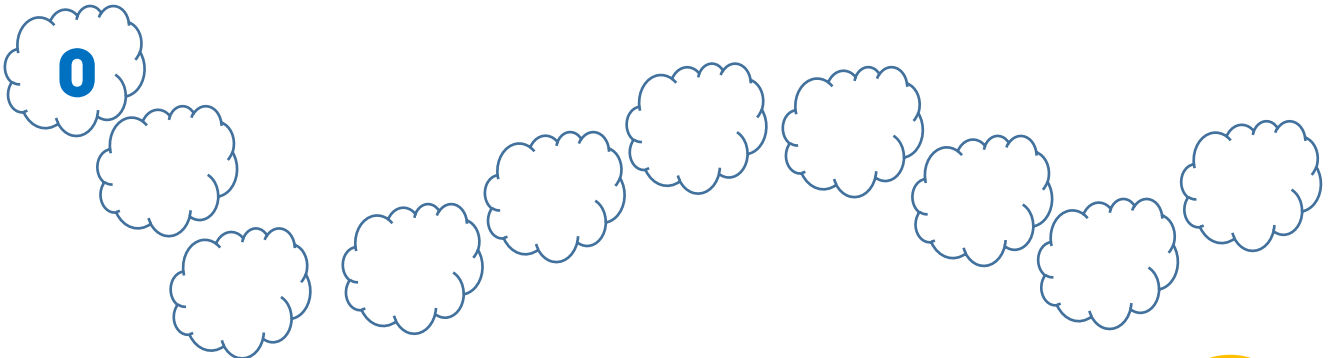




Viết số thích hợp vào ô trống



Viết số thích hợp vào ô trống.

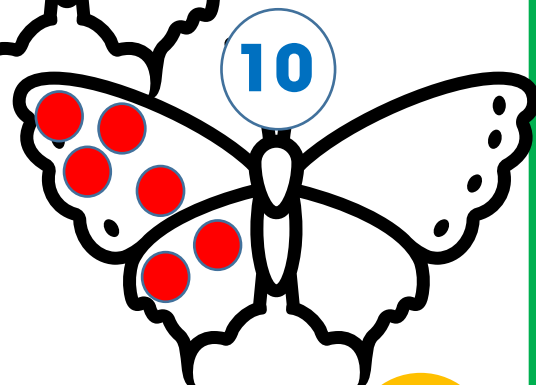
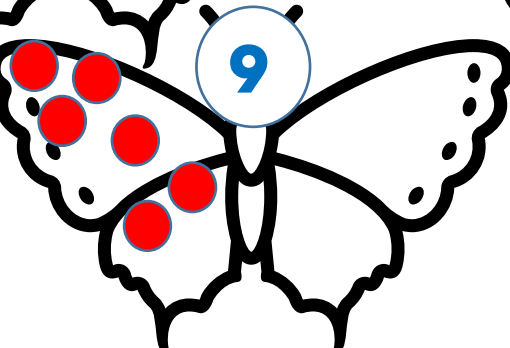
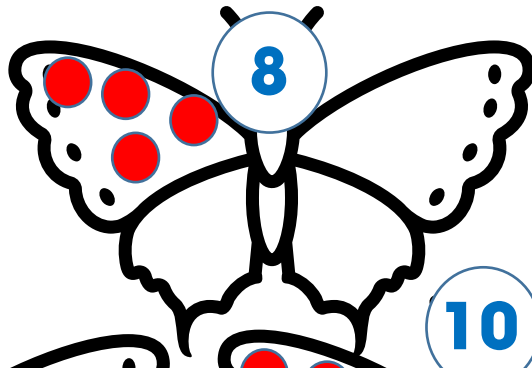
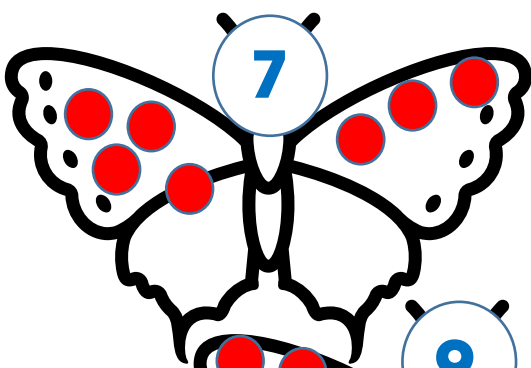


6 SỐ?



7

Vẽ thêm chấm tròn vào cánh bướm cho thích hợp (theo mẫu)





Khoanh vào số thích hợp



3 4 5



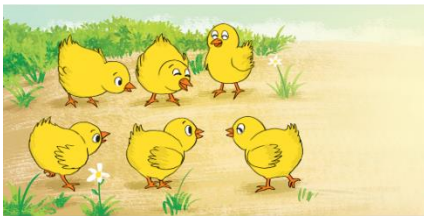
8 9 10



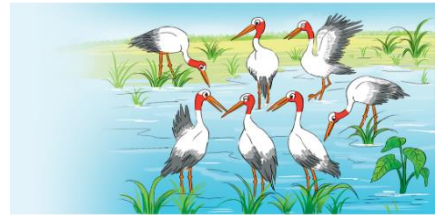
1 2 3



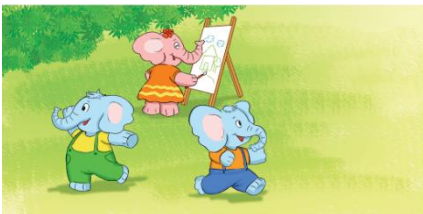
8 9 10



4 5 6



6 7 8



2 3 4



7 8 9

Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

Số ếch nhiều hơn số lá.
Số lá ít hơn số ếch.



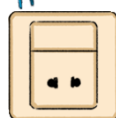
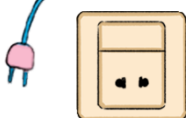
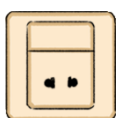
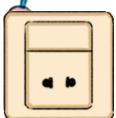
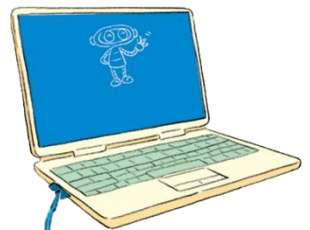
Số thỏ bằng số cà rốt



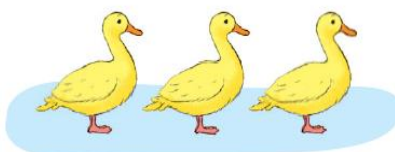
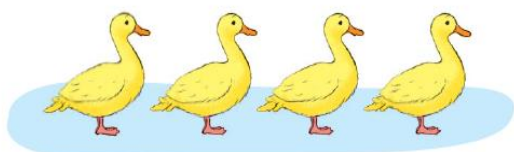
1 Số bướm nhiều hơn hay số hoa nhiều hơn ?



2 Số ổ cắm ít hơn hay số đồ vật ít hơn ?



Lớn hơn, dấu >



$$4 > 3$$

Bốn lớn hơn ba.

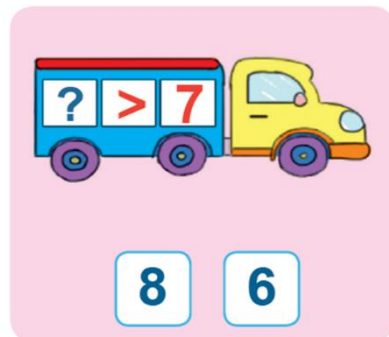
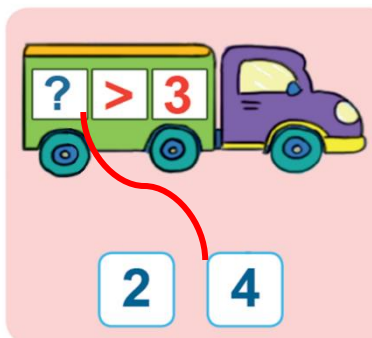


$$5 > 4$$

Năm lớn hơn bốn.



Tìm số thích hợp (theo mẫu)





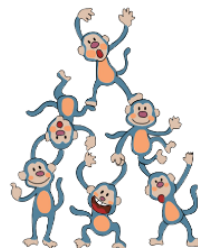
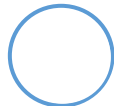
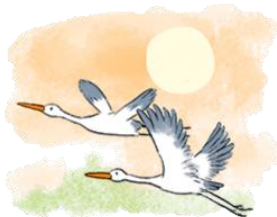
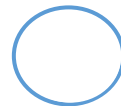
So sánh (theo mẫu).



5

>

2



Hãy giúp Mai tìm đường về nhà của mình bằng cách tô màu vào các ô có số lớn hơn 4.



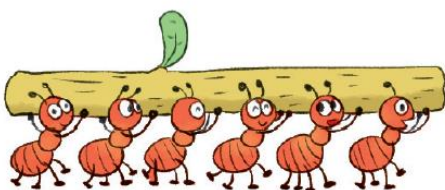
0	3	1	4	2	4
4	2	3	3	2	6
4	3	1	4	8	7
3	2	4	9	10	2
6	7	5	8	0	0
5	2	3	2	1	4

Bé hơn, dấu <



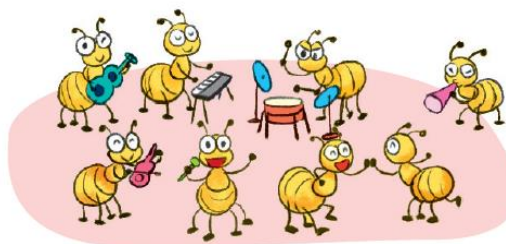
$$2 < 3$$

Hai bé hơn ba.



$$6 < 8$$

Sáu bé hơn tám.



Tìm số thích hợp (theo mẫu)



4

2



5

8

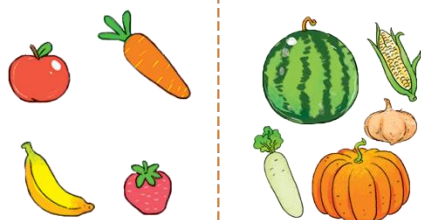


9

3

2

So sánh (theo mẫu).



4

<

5

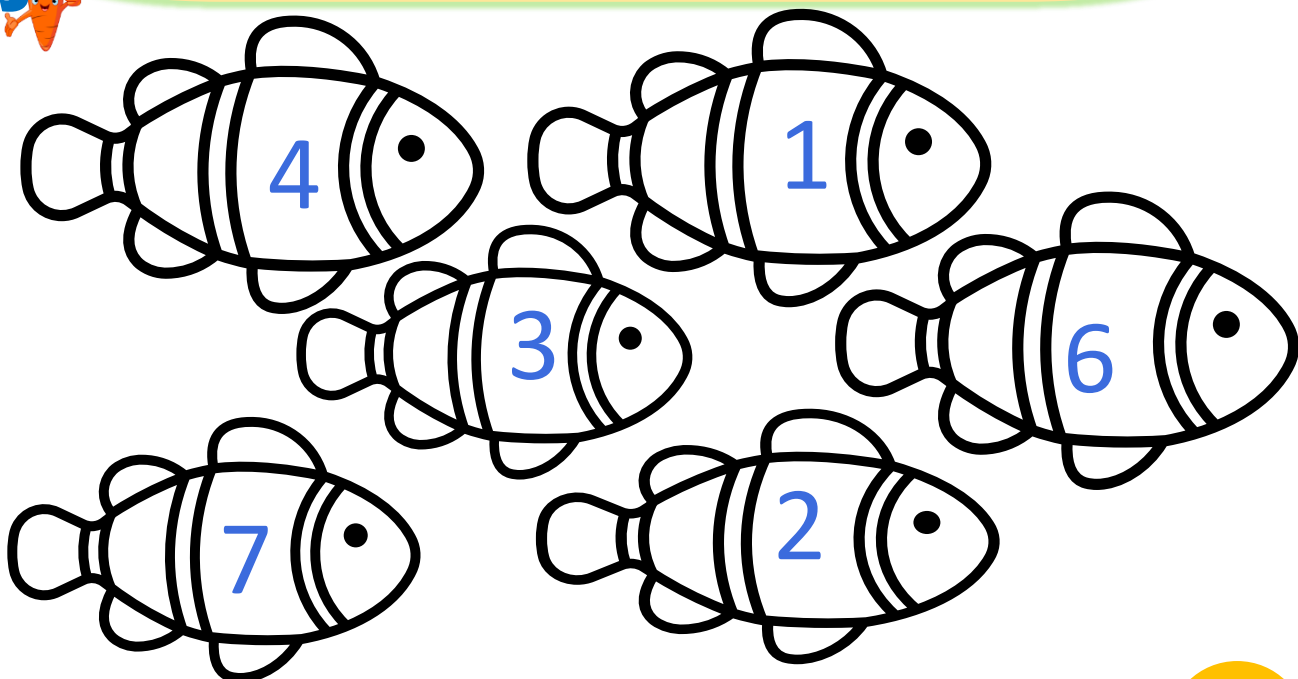






3

Hãy tô màu cho chú cá ghi số bé hơn 5

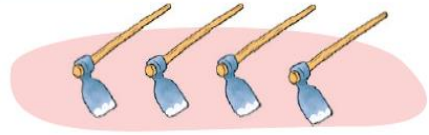


Bằng nhau, dấu =



$$4 = 4$$

Bốn bằng bốn.



$$5 = 5$$

Năm bằng năm.



1 Nối và viết (theo mẫu)



1

=

1



4

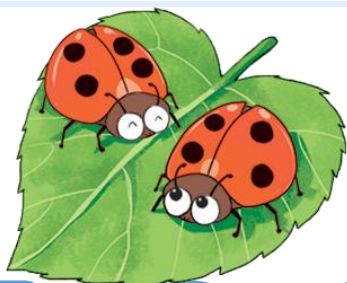
=

4



2

< , > , = ?

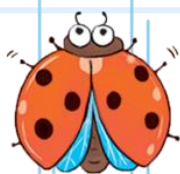


4

=

4







3

Số

6

=

4

=

2

<

>

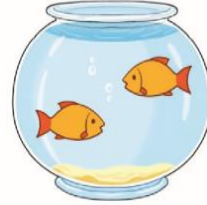
7

Mấy và mấy

Đếm số cá ở mỗi bể và ở cả hai bể.



Mai có:



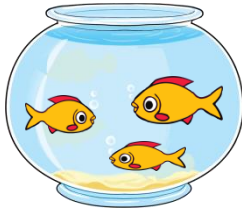
Nam có:



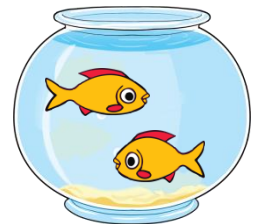
và



được



3



2



3



và

2



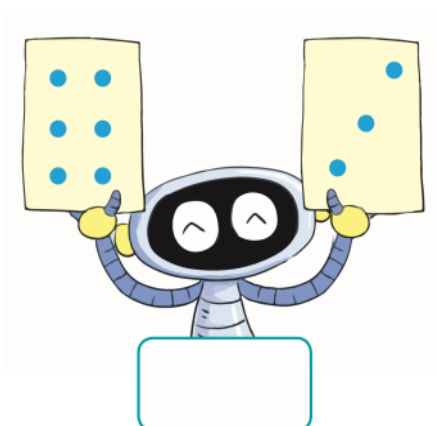
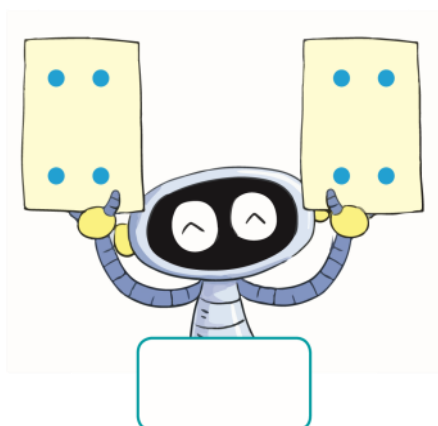
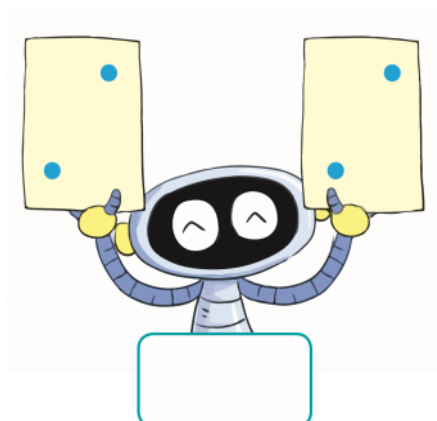
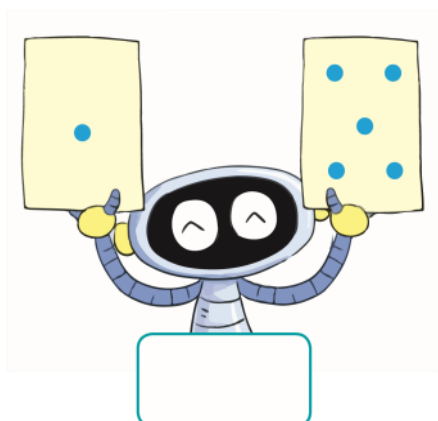
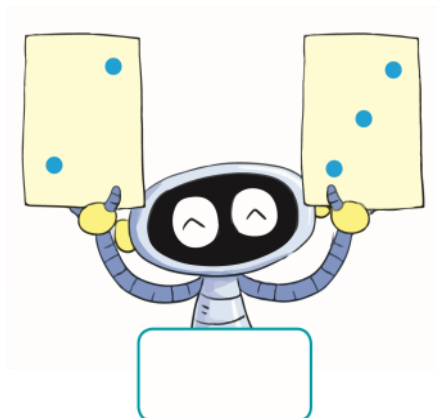
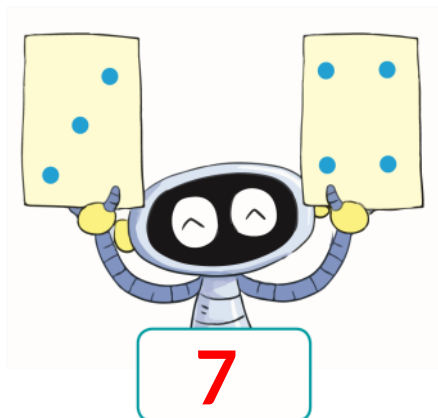
được

5

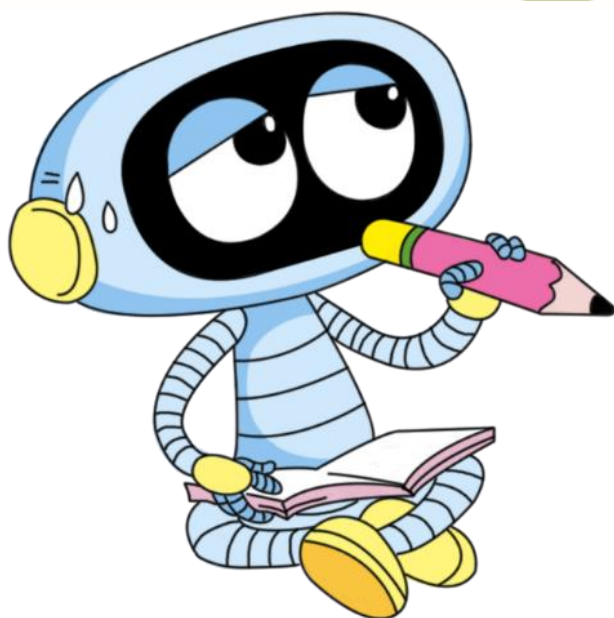
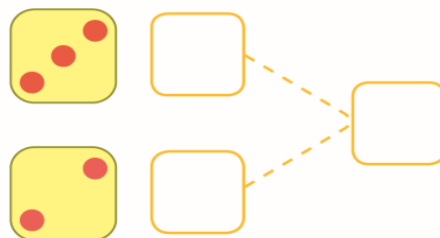
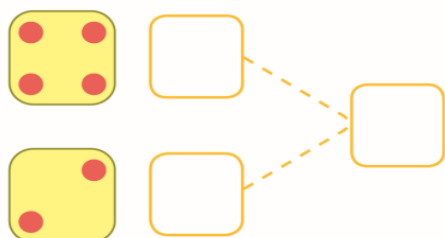
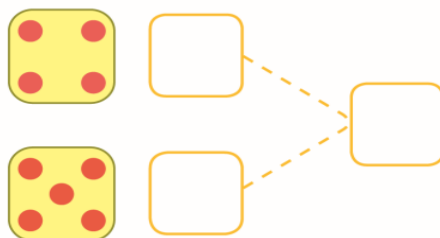
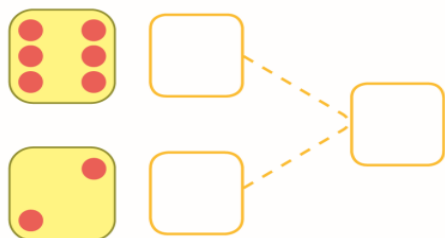
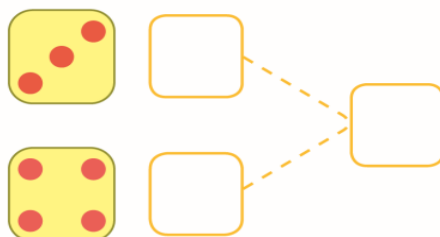
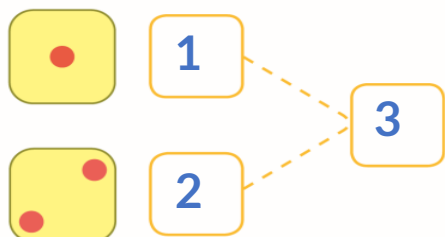




SỐ ?

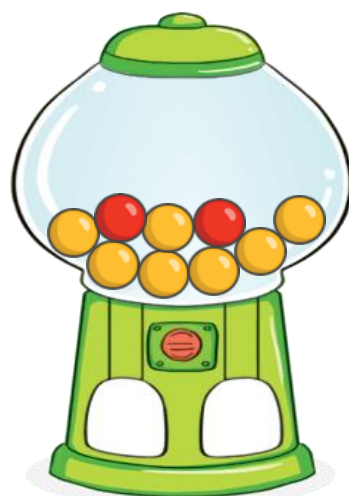
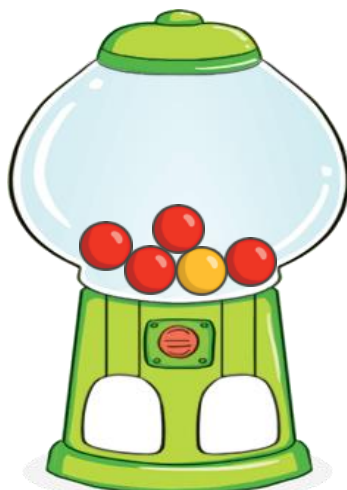
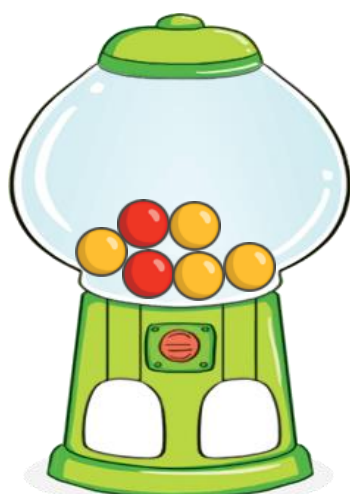
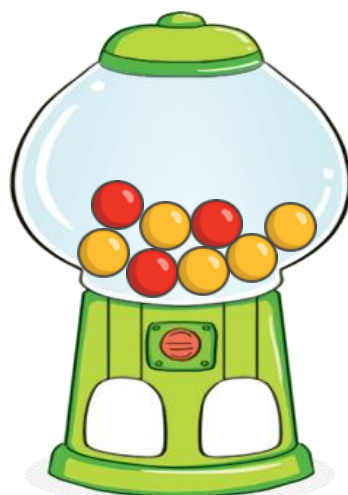
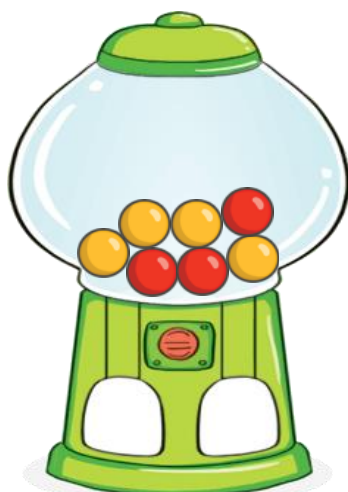
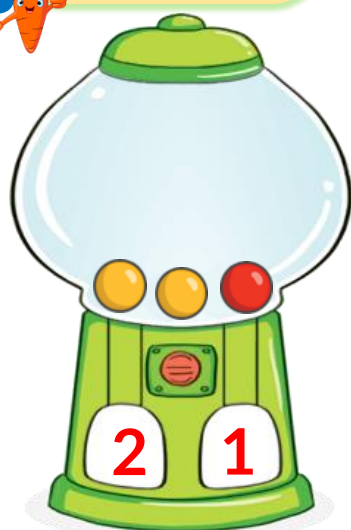


2 SỐ ?



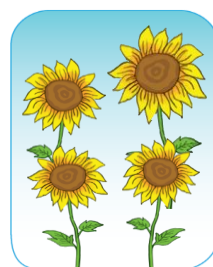
3

SỐ ?



4

NỐI ?



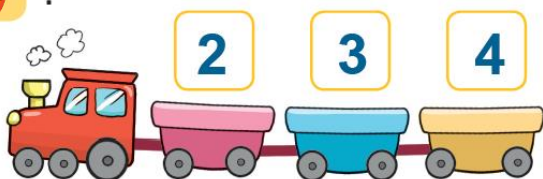


SỐ ?

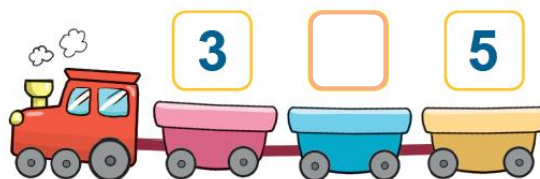


SỐ?

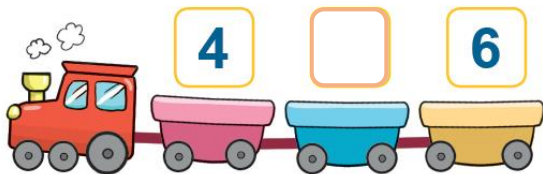
a)



b)



c)



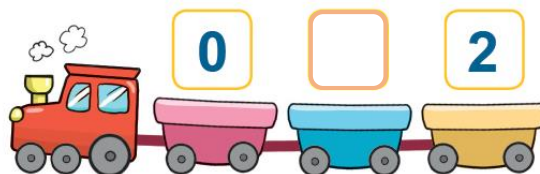
d)



e)

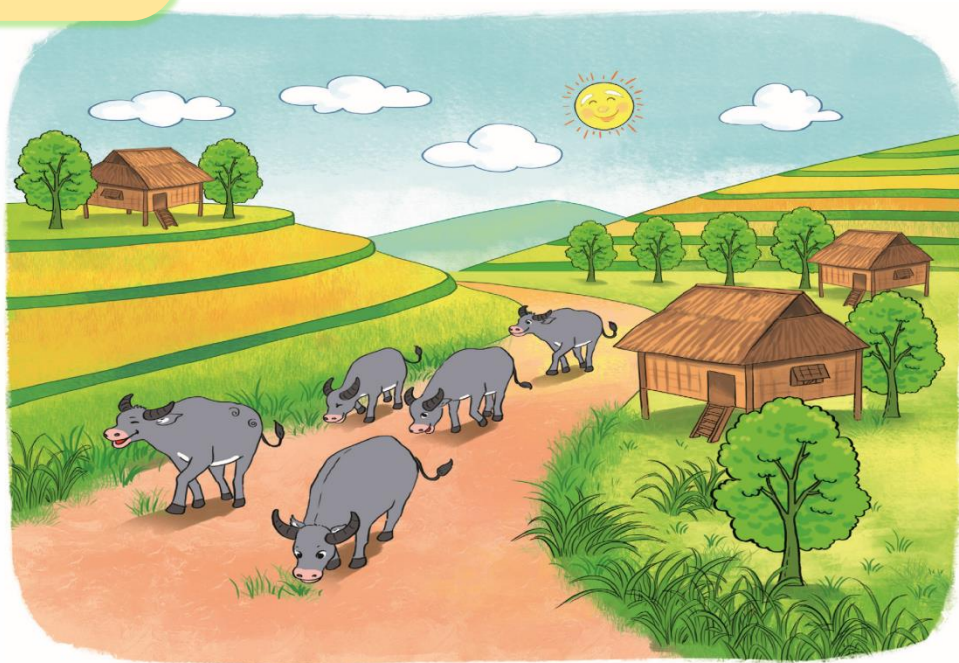


g)



7

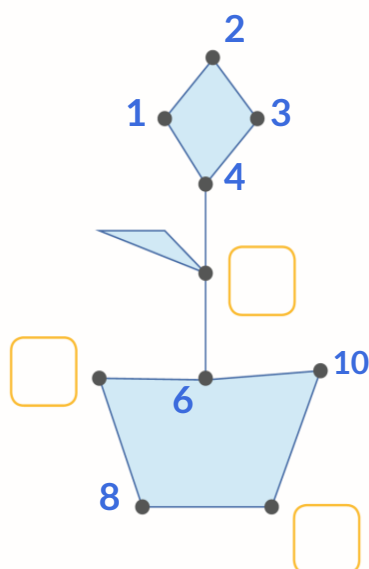
SỐ ?



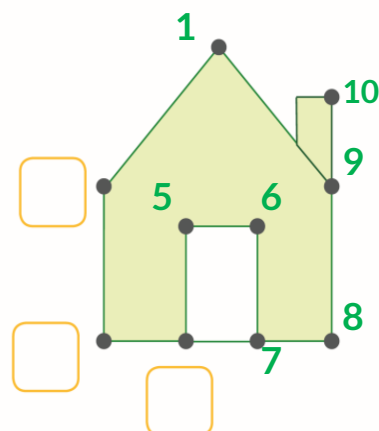
8

SỐ ?

a)



b)



Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật



Hình vuông



Hình tròn



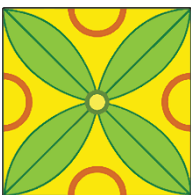
Hình tam giác



Hình chữ nhật



Nối ?



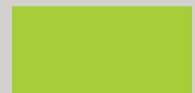
Hình vuông



Hình tròn



Hình chữ nhật

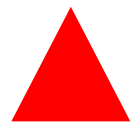
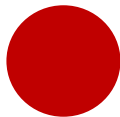
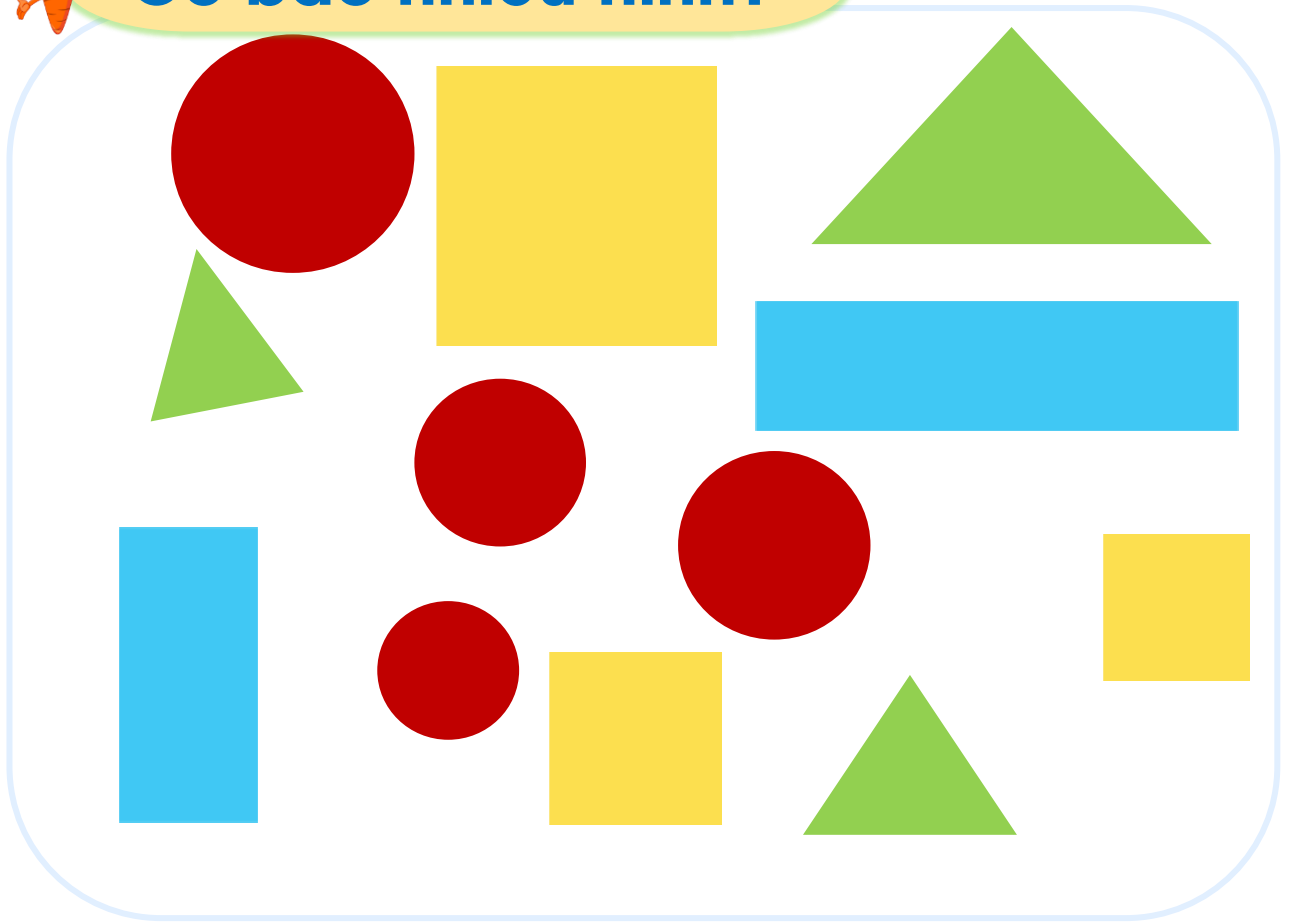


Hình tam giác



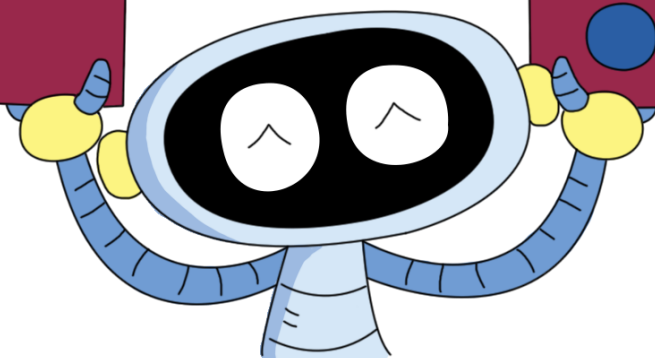
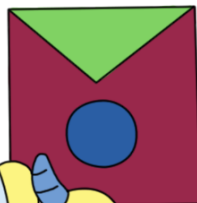
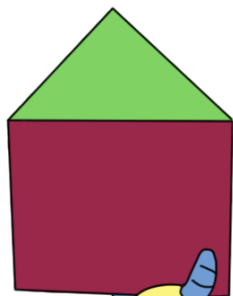
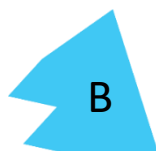
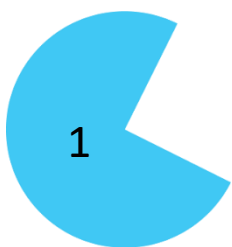


Có bao nhiêu hình?

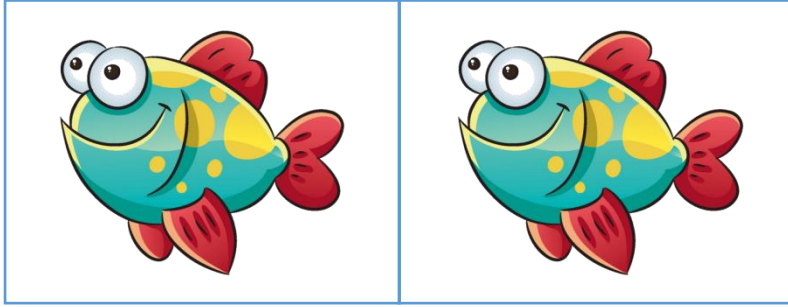




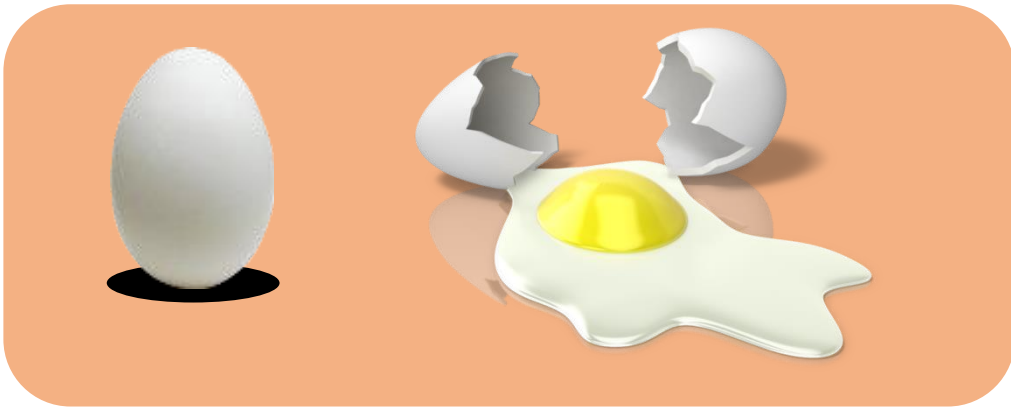
Tìm hai miếng bìa để ghép được hình tròn; hình tam giác hoặc hình chữ nhật.



CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 2



$$1 + 1 = \square$$



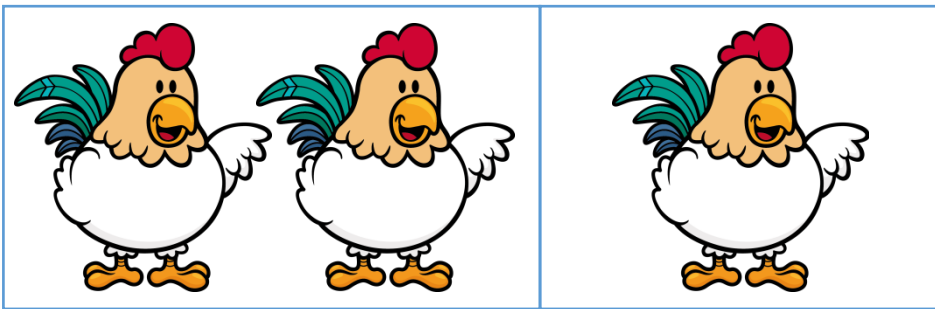
$$2 - 1 = \square$$

1 SỐ?

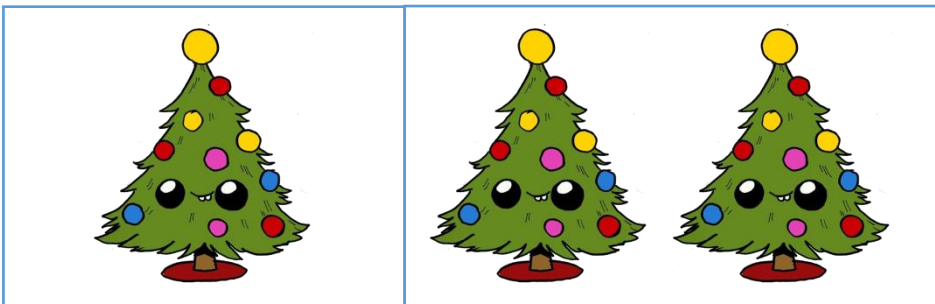


$$\square + \square = \square$$

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 3



$$2 + 1 = \square$$



$$1 + 2 = \square$$

1 SỐ?



$$\square + \square = \square$$

2 SỐ ?



$$1 + 1 = \square$$



$$2 + 1 = \square$$

3 SỐ ?

$$1 + 2 = \square$$

$$1 + 1 = \square$$

$$2 + 1 = \square$$

4 Nối theo mẫu

$$1 + 1$$

$$1 + 2$$

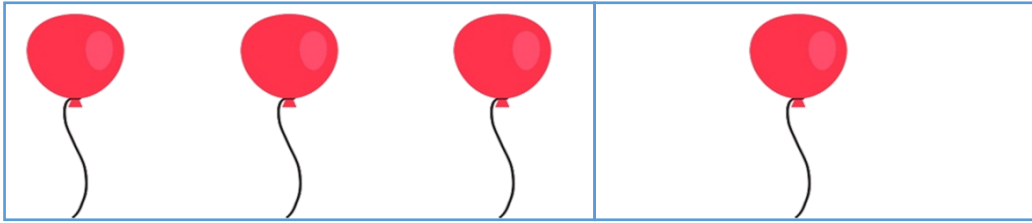
$$2 + 1$$

2

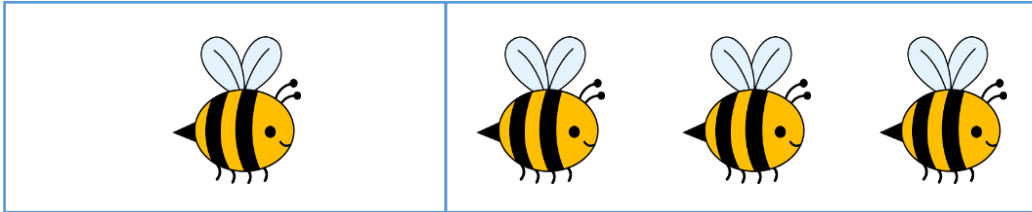
3

4

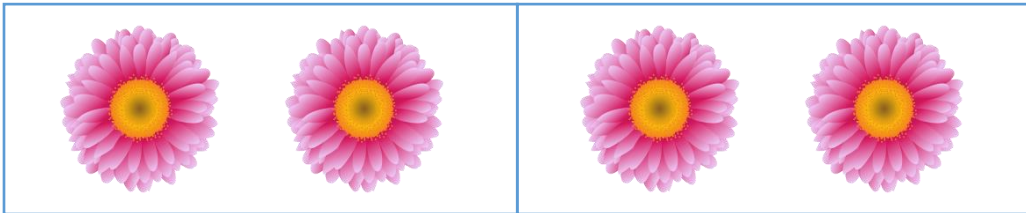
PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 4



$$3 + 1 = \square$$



$$1 + 3 = \square$$



$$2 + 2 = \square$$

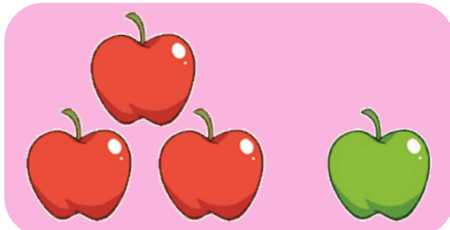
1 SỐ ?



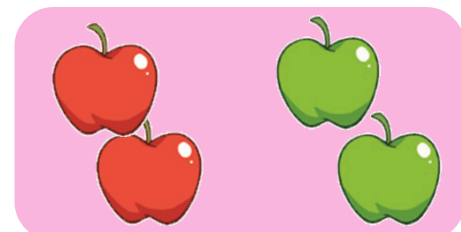
$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

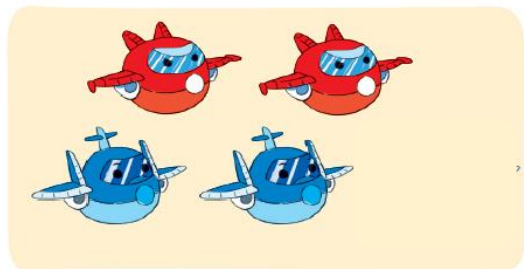


$$\square + \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

2 SỐ ?



$$\square + \square = \square$$

LCD cô Thập An



$$\square + \square = \square$$

3 SỐ ?

$$2 + 2 = \square$$

$$3 + 1 = \square$$

$$1 + 2 = \square$$

$$1 + 1 = \square$$

$$1 + 3 = \square$$

$$2 + 1 = \square$$

4

$$3 \dots\dots 2 + 1$$

$$1 + 3 \dots\dots 4$$

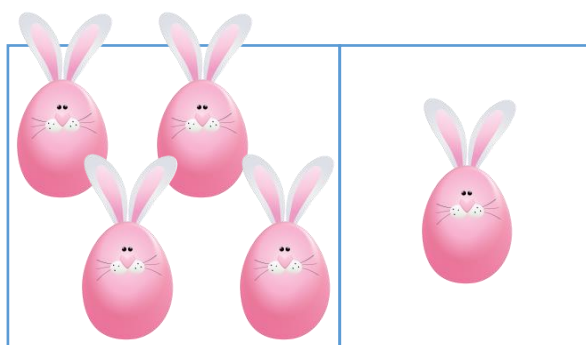
$$3 \dots\dots 1 + 3$$

$$1 + 2 \dots\dots 4$$

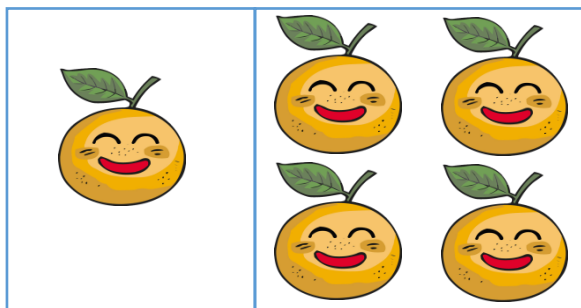
$$3 \dots\dots 1 + 1$$

$$2 + 2 \dots\dots 4$$

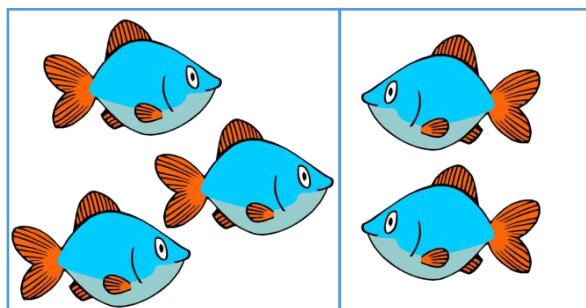
PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5



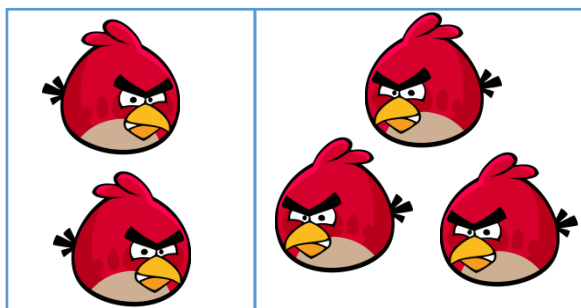
$$4 + 1 = \square$$



$$1 + 4 = \square$$



$$3 + 2 = \square$$

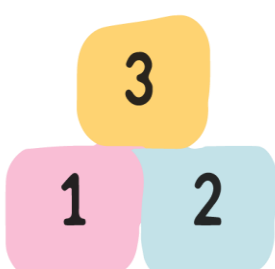


$$2 + 3 = \square$$

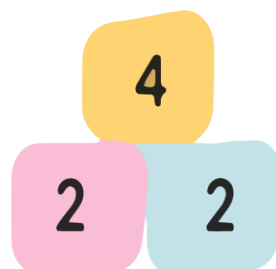
1 SỐ ?



$$2 + 3 = \square$$



$$1 + 2 = \square$$



$$2 + 2 = \square$$

2 SỐ ?

$2 + 3 =$

$1 + 4 =$

$3 + 2 =$

$2 + 2 =$

$4 + 1 =$

$2 + 1 =$

3 SỐ ?

$1 + \square = 2$

$3 + \square = 5$

$2 + \square = 4$

$5 + \square = 5$

4 Viết số thích hợp vào ô trống

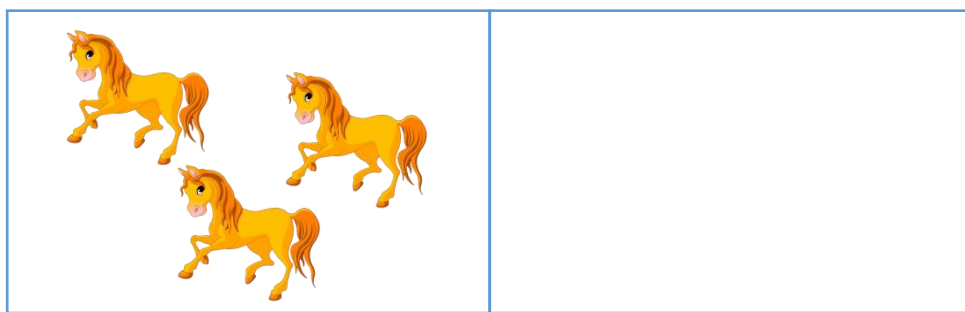
$(1) \xrightarrow{+1} \square$

$(3) \xrightarrow{+2} \square$

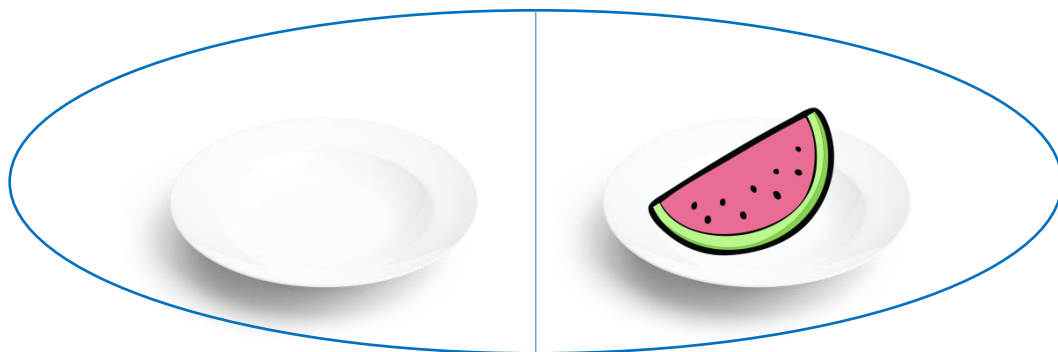
$(2) \xrightarrow{+1} \square$

$(4) \xrightarrow{+1} \square$

SỐ 0 TRONG PHÉP CỘNG

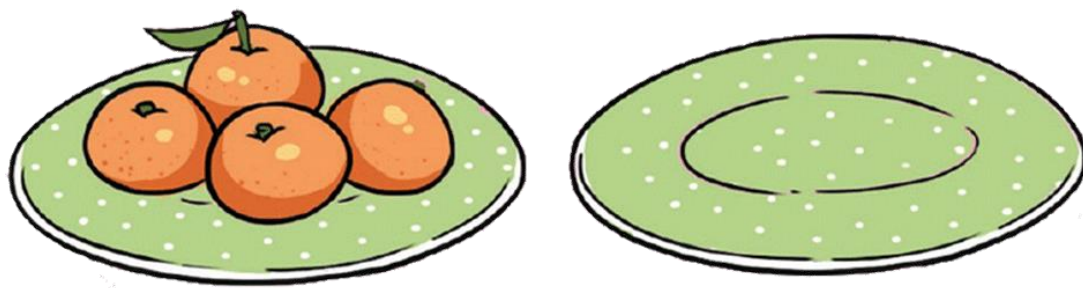


$$3 + 0 = \square$$

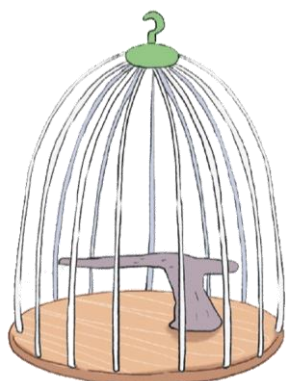


$$0 + 1 = \square$$

1 SỐ ?



$$\boxed{4} + \square = \boxed{4}$$



$$\boxed{0} + \boxed{} = \boxed{}$$

2 Tính

$$4 + 0 = \dots\dots$$

$$5 + 0 = \dots\dots$$

$$0 + 4 = \dots\dots$$

$$0 + 5 = \dots\dots$$

$$3 + 0 = \dots\dots$$

$$0 + 2 = \dots\dots$$

3 Nối phép tính với số thích hợp

$$3 + 0$$

$$0 + 4$$

$$5 + 0$$

5

4

3

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6



$$5 + 1 = \square$$

$$1 + 5 = \square$$



$$4 + 2 = \square$$

$$2 + 4 = \square$$



$$3 + 3 = \square$$

1 SỐ ?



$$4 + \square = \square$$

$$3 + \square = \square$$

2 Tính ?

$5 + 1 = \dots\dots$

$4 + 2 = \dots\dots$

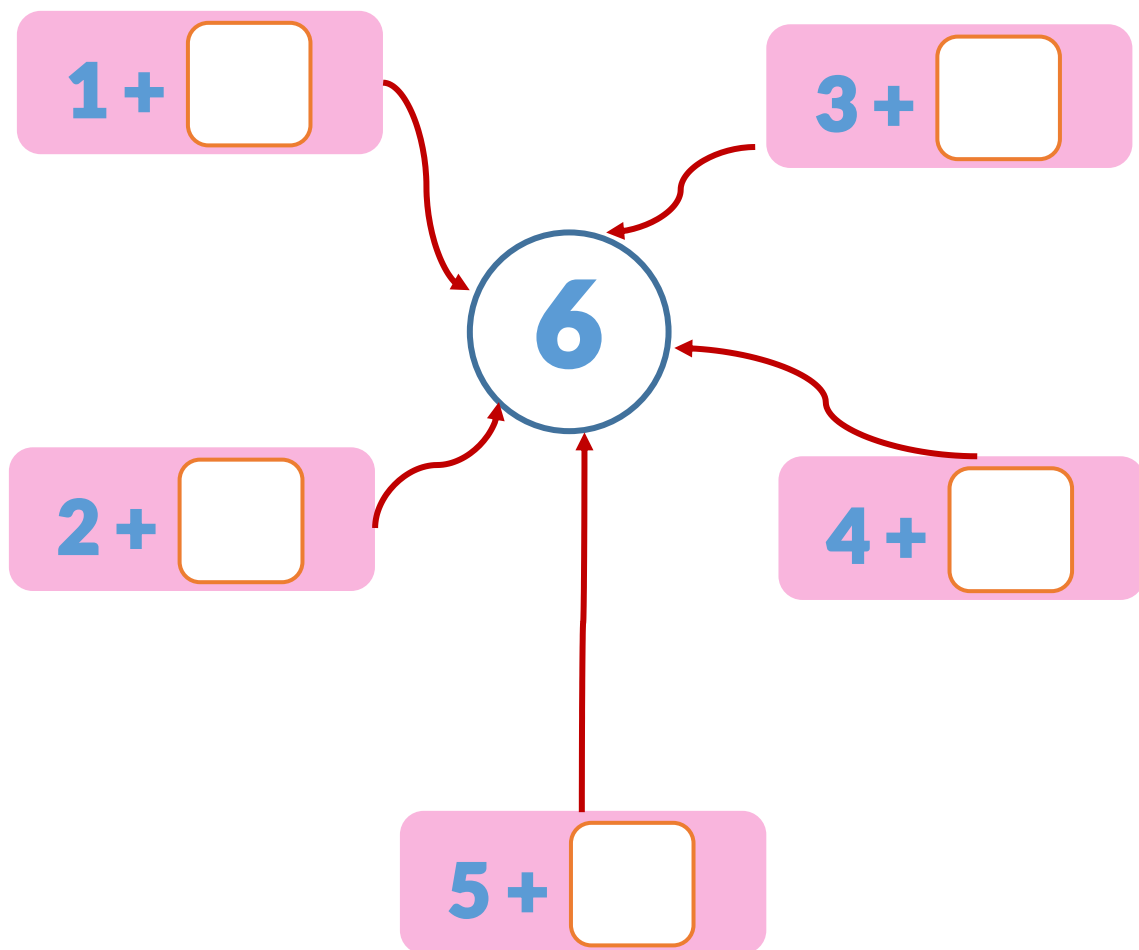
$1 + 5 = \dots\dots$

$2 + 4 = \dots\dots$

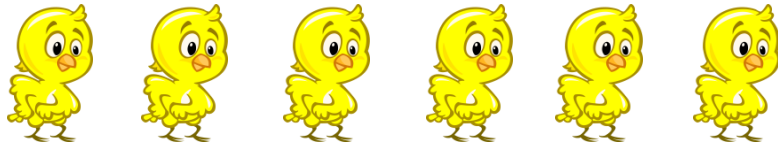
$3 + 3 = \dots\dots$

$6 + 0 = \dots\dots$

3 Số ?



PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7



$$6 + 1 = \square$$

$$1 + 6 = \square$$



$$5 + 2 = \square$$

$$2 + 5 = \square$$



$$4 + 3 = \square$$

$$3 + 4 = \square$$

1 SỐ ?



$$6 + 1 = \square$$



$$4 + 3 = \square$$

2 Tính ?

$0 + 7 = \dots\dots$

$3 + 4 = \dots\dots$

$7 + 0 = \dots\dots$

$4 + 3 = \dots\dots$

$3 + 2 = \dots\dots$

$5 + 1 = \dots\dots$

3 Viết số thích hợp vào ô trống.



$\boxed{5} + \square = \square$



$\boxed{4} + \square = \square$



$\boxed{6} + \square = \square$

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8



$$7 + 1 = \square$$

$$1 + 7 = \square$$



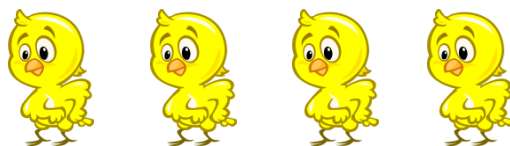
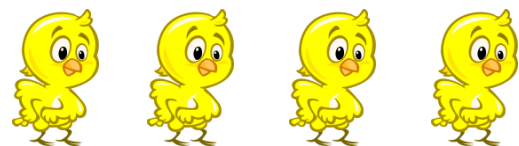
$$6 + 2 = \square$$

$$2 + 6 = \square$$



$$5 + 3 = \square$$

$$3 + 5 = \square$$



$$4 + 4 = \square$$

1 SỐ ?



$$\square + \square = \square$$

2 Tính ?

$$1 + 7 = \dots\dots$$

$$7 + 1 = \dots\dots$$

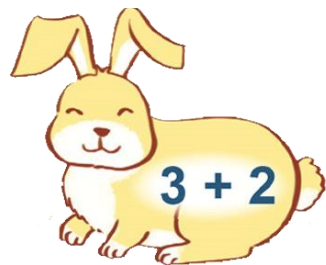
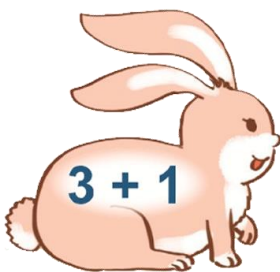
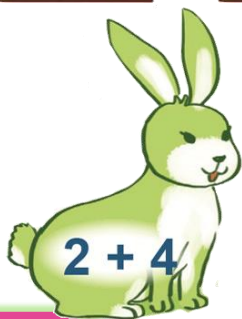
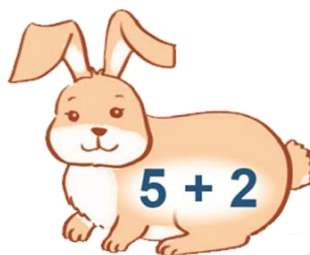
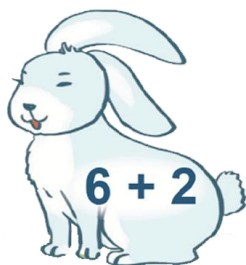
$$5 + 2 = \dots\dots$$

$$5 + 3 = \dots\dots$$

$$3 + 5 = \dots\dots$$

$$6 + 1 = \dots\dots$$

3 Nối ?



$$6 + 2 \dots\dots 7$$

$$3 + 4 \dots\dots 8$$

$$3 + 5 \dots\dots 8$$

$$4 + 2 \dots\dots 7$$

$$4 + 4 \dots\dots 7$$

$$5 + 1 \dots\dots 6$$

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 9



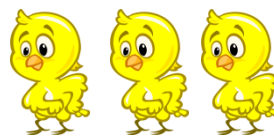
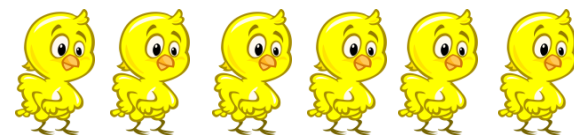
$8 + 1 = \square$

$1 + 8 = \square$



$7 + 2 = \square$

$2 + 7 = \square$



$6 + 3 = \square$

$3 + 6 = \square$



$5 + 4 = \square$

$4 + 5 = \square$

1 SỐ ?



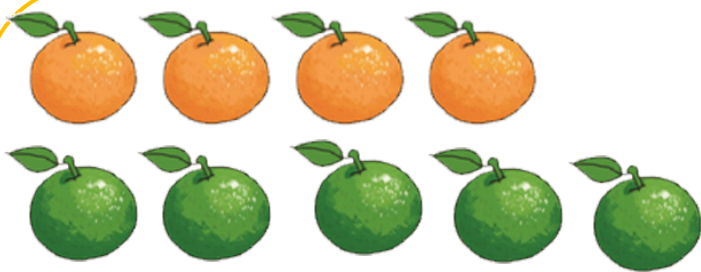
$6 + 2 = \square$

$2 + 6 = \square$

6

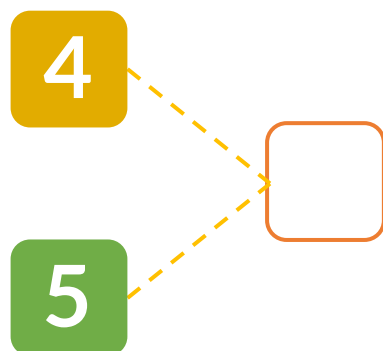
2





$$4 + 5 = \square$$

$$5 + 4 = \square$$



2 Tính ?

$$4 + 5 = \dots\dots$$

$$5 + 2 = \dots\dots$$

$$4 + 4 = \dots\dots$$

$$2 + 7 = \dots\dots$$

$$3 + 4 = \dots\dots$$

$$0 + 9 = \dots\dots$$



$$6 + 2 \dots\dots 9$$

$$2 + 4 \dots\dots 8$$

$$3 + 5 \dots\dots 7$$

$$4 + 4 \dots\dots 9$$

$$4 + 3 \dots\dots 9$$

$$6 + 1 \dots\dots 6$$

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10



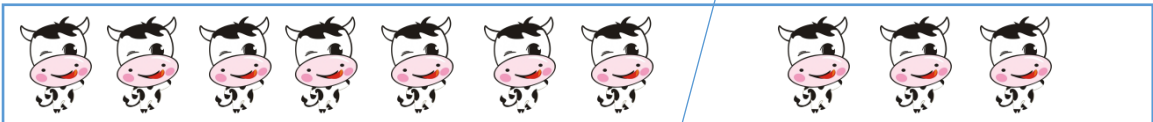
$9 + 1 = \square$

$1 + 9 = \square$



$8 + 2 = \square$

$2 + 8 = \square$



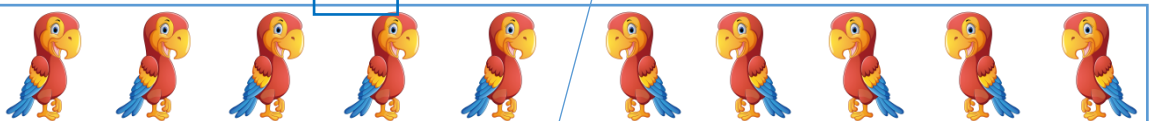
$7 + 3 = \square$

$3 + 7 = \square$



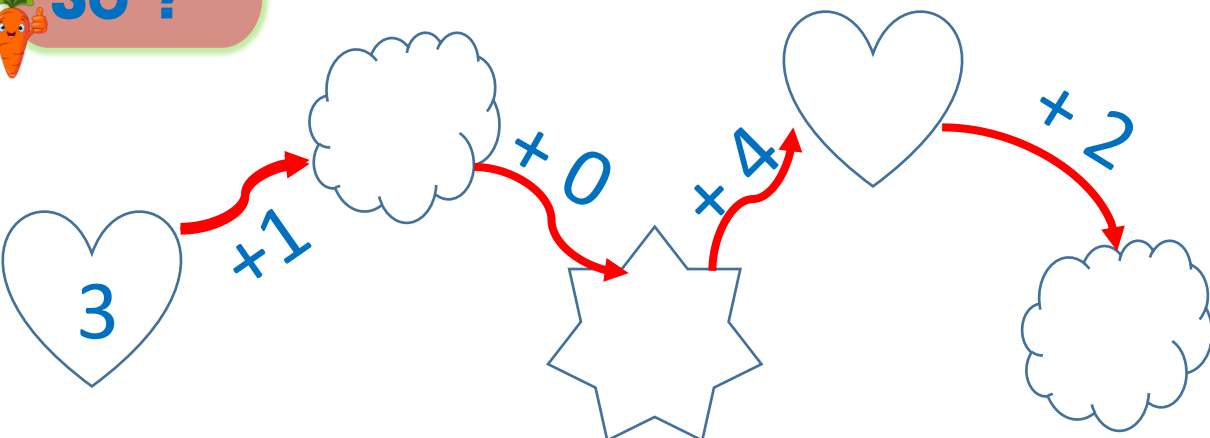
$6 + 4 = \square$

$4 + 6 = \square$

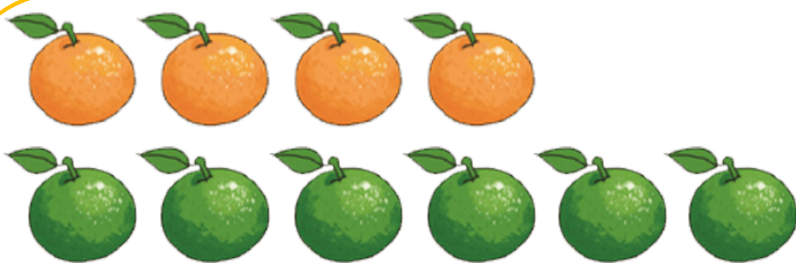


$5 + 5 = \square$

1 SỐ ?

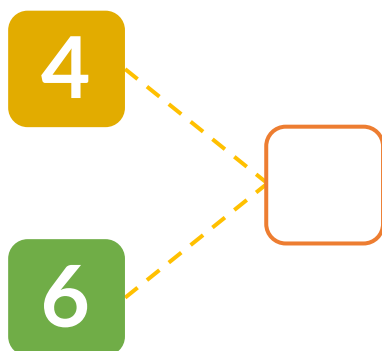


2 Tính ?



$$4 + 6 = \square$$

$$6 + 4 = \square$$



3 Số ?

a.

+	9	8	7	6
	0	1	2	3
	9			

b.

+	9	8	7	6	5
	1	2	3	4	5
	10				

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 3



$$3 - 1 = \square$$



$$3 - 2 = \square$$

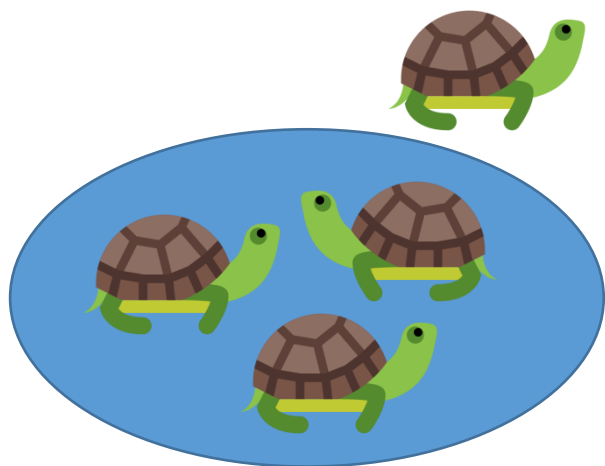
1 SỐ ?

$$3 - 1 = \square$$

$$3 - 2 = \square$$

$$2 - 1 = \square$$

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 4



$$4 - 1 = \square$$



$$4 - 2 = \square$$



$$4 - 3 = \square$$

1 SỐ ?

$$4 - 3 = \square$$

$$3 - 2 = \square$$

$$4 - 1 = \square$$

$$3 - 1 = \square$$

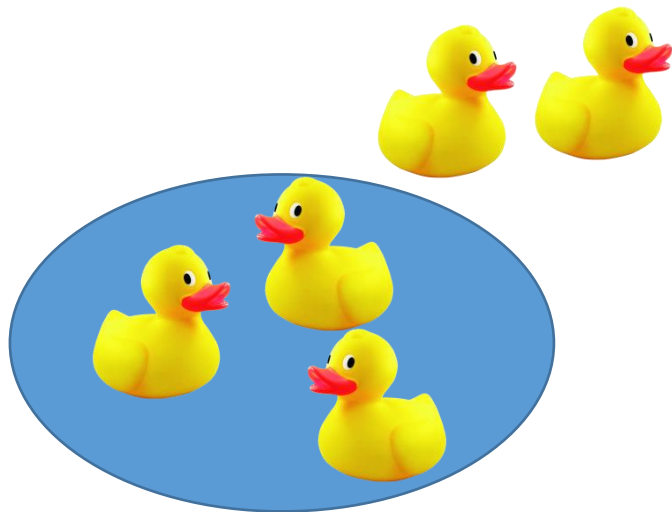
$$4 - 2 = \square$$

$$2 - 1 = \square$$

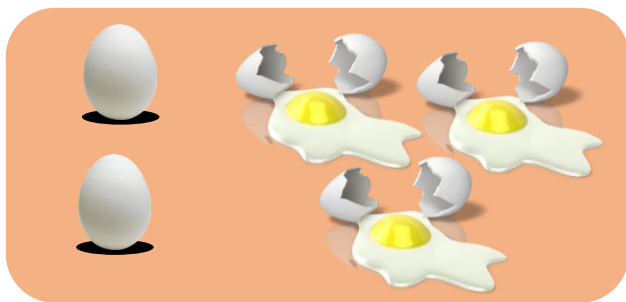
PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 5



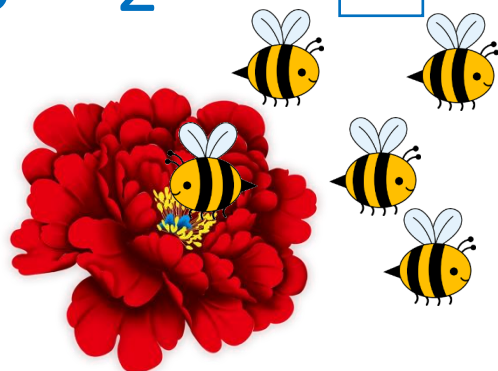
$$5 - 1 = \square$$



$$5 - 2 = \square$$



$$5 - 3 = \square$$



$$5 - 4 = \square$$

1 Tính

$$5 - 1 = \dots\dots$$

$$5 - 4 = \dots\dots$$

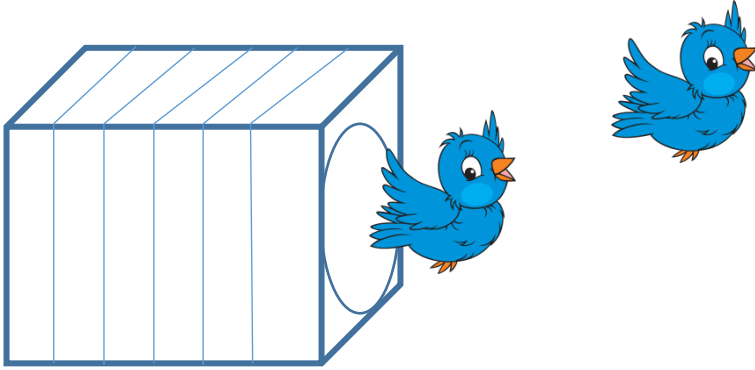
$$5 - 2 = \dots\dots$$

$$4 - 2 = \dots\dots$$

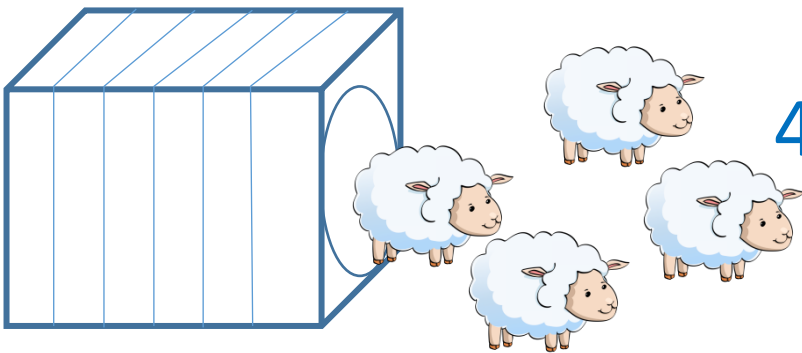
$$5 - 3 = \dots\dots$$

$$3 - 1 = \dots\dots$$

SỐ 0 TRONG PHÉP TRỪ



$$2 - 2 = \square$$



$$4 - 4 = \square$$

1 Số

$$1 - 1 = \dots\dots$$

$$4 - 0 = \dots\dots$$

$$5 - 5 = \dots\dots$$

$$5 - 0 = \dots\dots$$

$$3 - 3 = \dots\dots$$

$$3 - 0 = \dots\dots$$

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6



$$6 - 1 = \square$$

$$6 - 5 = \square$$



$$6 - 2 = \square$$

$$6 - 4 = \square$$



$$6 - 3 = \square$$

1 SỐ ?

$$6 - 5 = \dots\dots$$

$$6 - 4 = \dots\dots$$

$$6 - 1 = \dots\dots$$

$$6 - 3 = \dots\dots$$

$$6 - 2 = \dots\dots$$

$$6 - 0 = \dots\dots$$

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7



$$7 - 1 = \square$$

$$7 - 6 = \square$$



$$7 - 2 = \square$$

$$7 - 5 = \square$$



$$7 - 3 = \square$$

$$7 - 4 = \square$$

1 SỐ ?

$$7 - 4 = \dots\dots$$

$$7 - 5 = \dots\dots$$

$$7 - 1 = \dots\dots$$

$$7 - 3 = \dots\dots$$

$$7 - 2 = \dots\dots$$

$$7 - 0 = \dots\dots$$

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8



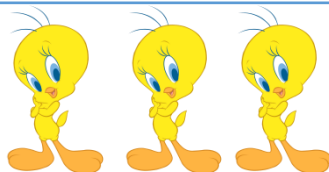
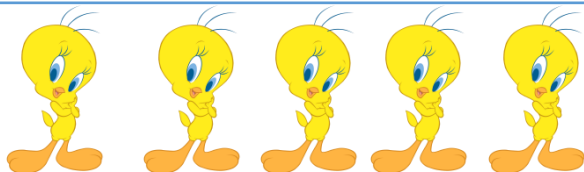
$$8 - 1 = \square$$

$$8 - 7 = \square$$



$$8 - 2 = \square$$

$$8 - 6 = \square$$



$$8 - 3 = \square$$

$$8 - 5 = \square$$



$$8 - 4 = \square$$



Nối (theo mẫu)

$$1 + 7$$

$$8 - 0$$

$$8 - 1$$

8

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9



$$9 - 1 = \square$$

$$9 - 8 = \square$$



$$9 - 2 = \square$$

$$9 - 7 = \square$$



$$9 - 3 = \square$$

$$9 - 6 = \square$$



$$9 - 4 = \square$$

$$9 - 5 = \square$$



Nối (theo mẫu)

$$9 - 0$$

$$8 + 1$$

$$7 + 1$$

$$3 + 5$$

9

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10



$$10 - 1 = \square$$



$$10 - 9 = \square$$



$$10 - 2 = \square$$



$$10 - 8 = \square$$



$$10 - 3 = \square$$



$$10 - 7 = \square$$



$$10 - 4 = \square$$



$$10 - 6 = \square$$



$$10 - 5 = \square$$



1 Tính ?

$$9 - 1 = \dots\dots$$

$$8 - 2 = \dots\dots$$

$$10 - 7 = \dots\dots$$

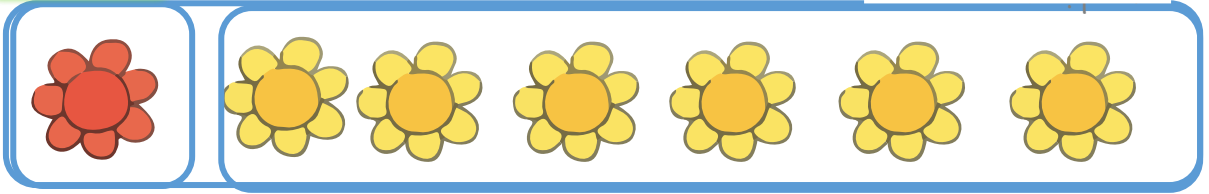
$$10 - 8 = \dots\dots$$

$$10 - 0 = \dots\dots$$

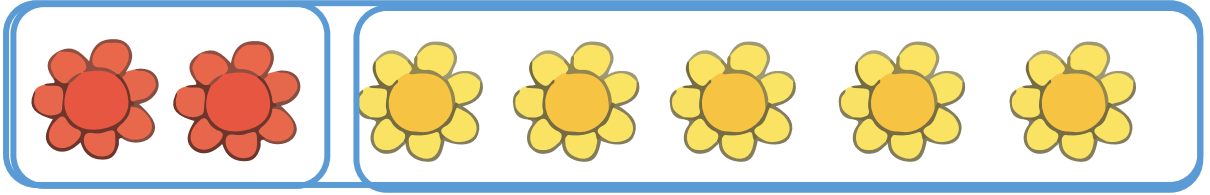
$$10 - 2 = \dots\dots$$

LUYỆN TẬP

1 SỐ ?

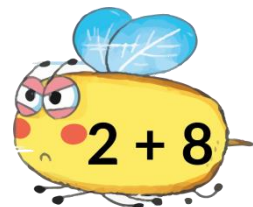
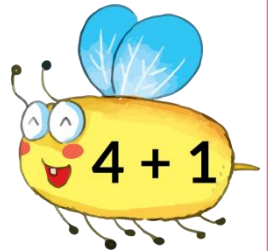
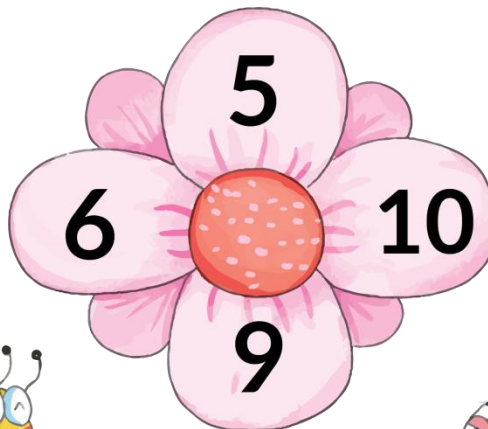
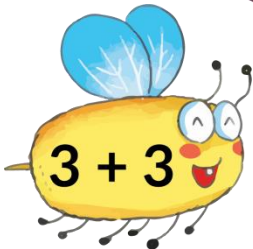
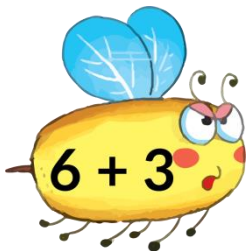
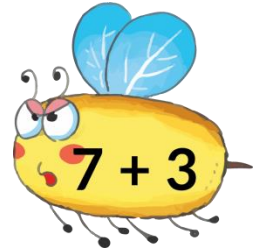
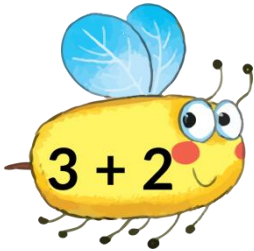


$$\square + \square = \square$$



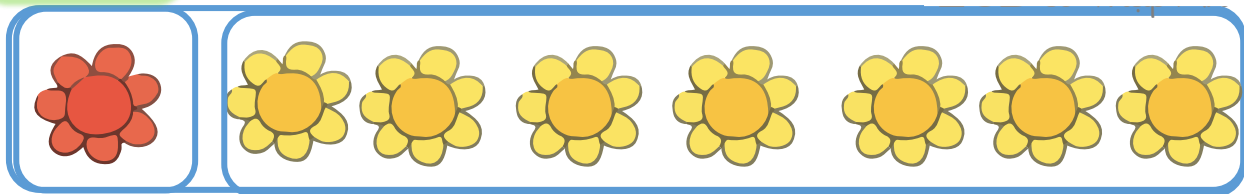
$$\square + \square = \square$$

2 Tìm cánh hoa cho mỗi chú ong?

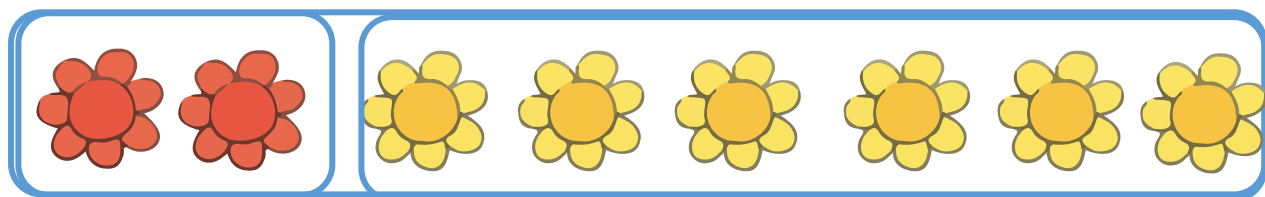


LUYỆN TẬP

1 SỐ ?

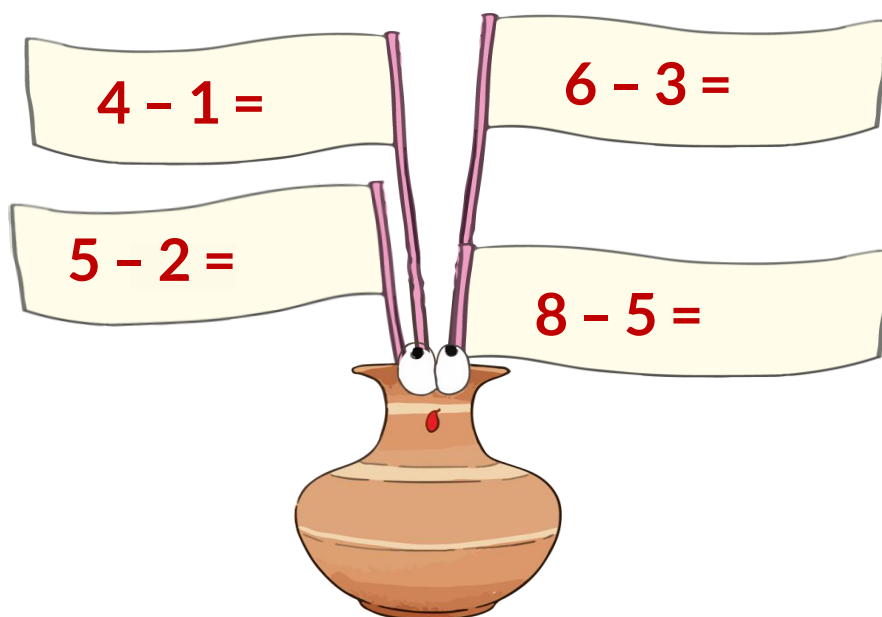


$$\square - \square = \square$$



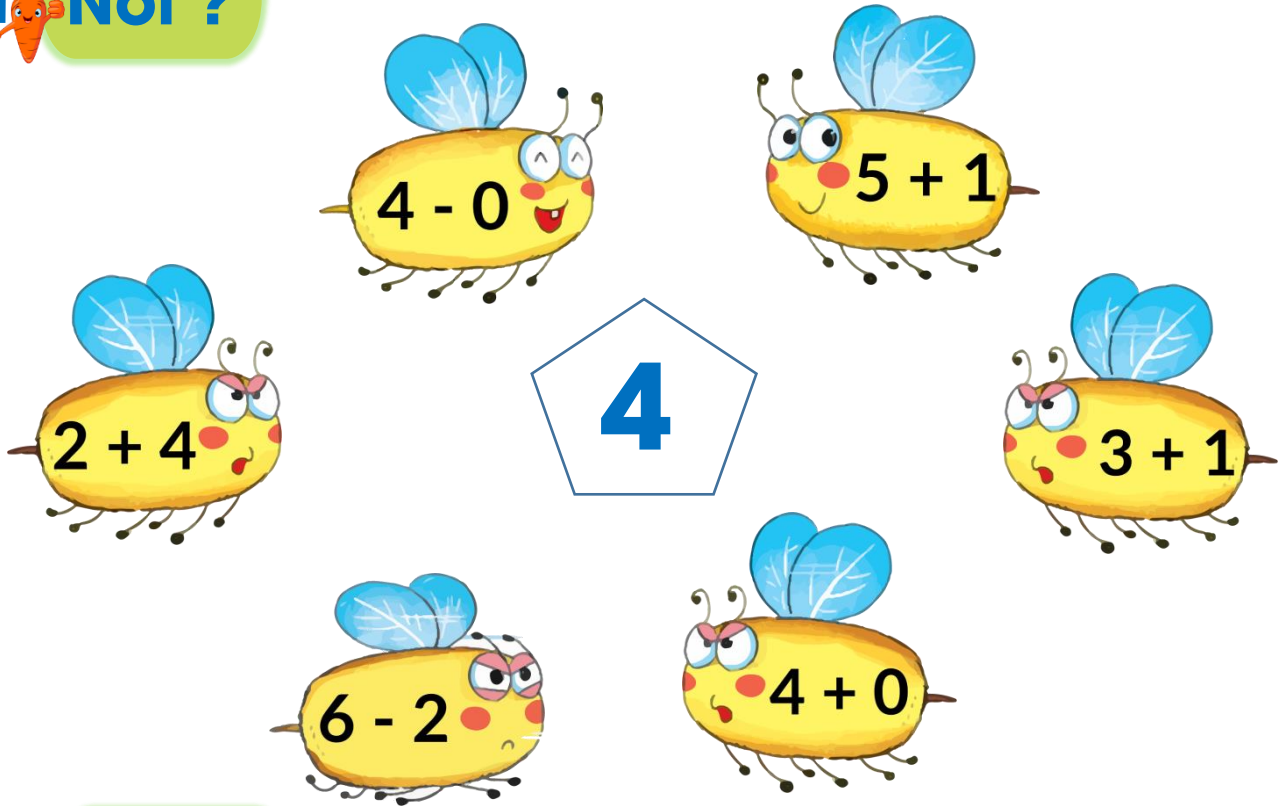
$$\square - \square = \square$$

2 Tính?

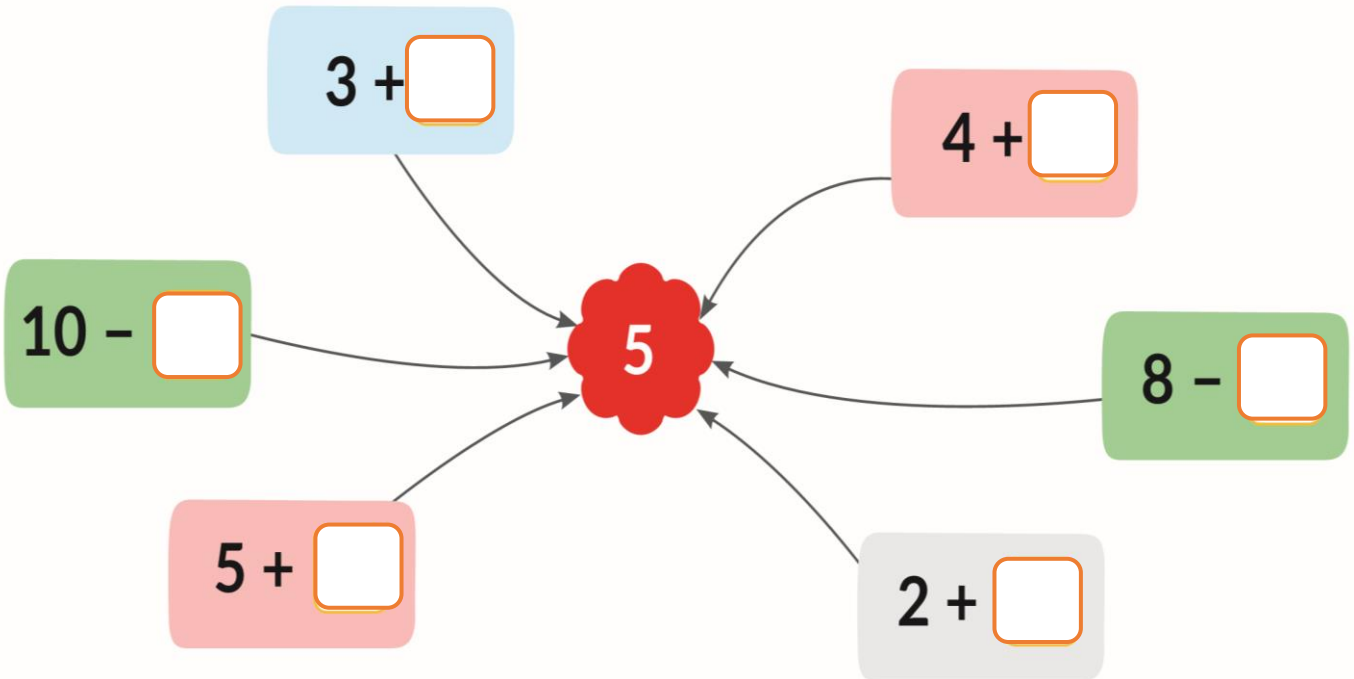


LUYỆN TẬP

1 Nối ?

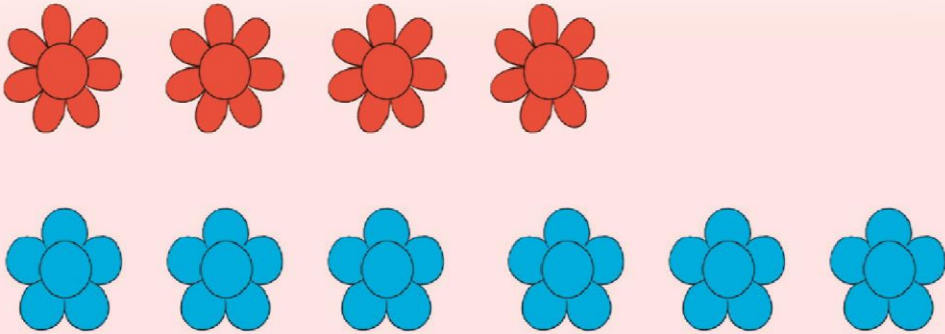


2 Tính?



LUYỆN TẬP

1  Viết phép tính thích hợp?



$$\square + \square = \square$$

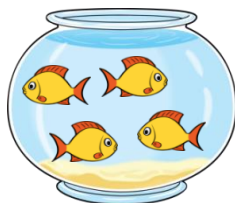
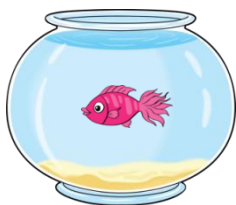
2  Viết phép tính thích hợp?



$$\square + \square = \square$$

1 Nối ?

LUYỆN TẬP



10 mười

7 bảy

1 một

8 tám

6 sáu

4 bốn

0 không

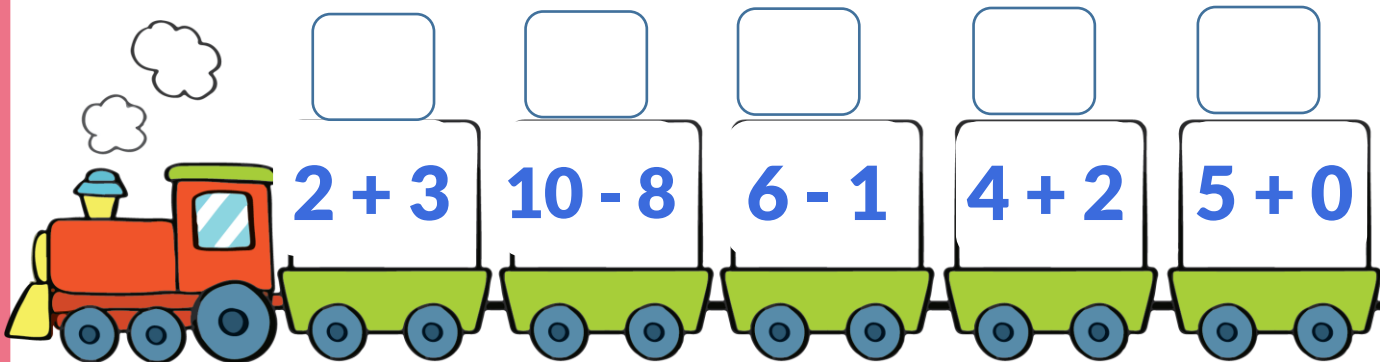
9 chín

5 năm

3 ba

2 hai

2 Tìm kết quả ghi ở mỗi toa tàu



LUYỆN TẬP

1 SỐ ?



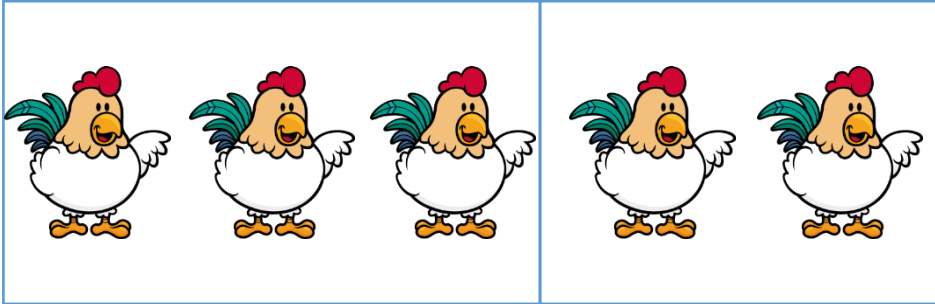
2 Viết phép tính thích hợp



	+		=	
--	---	--	---	--

LUYỆN TẬP

1  Viết phép tính thích hợp:

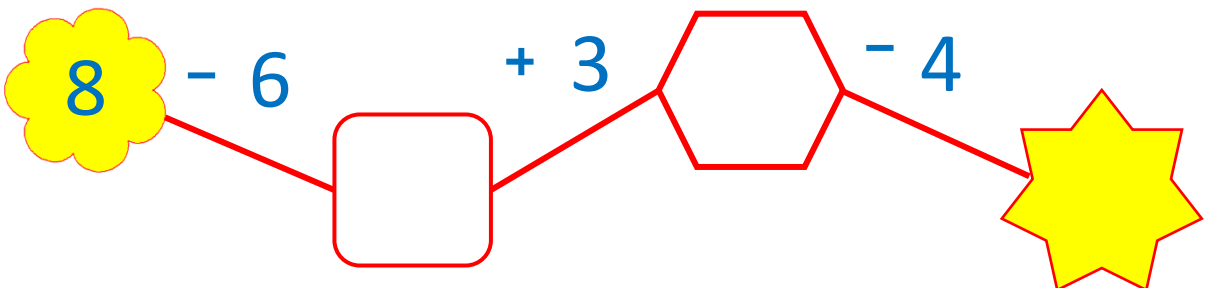


--	--	--	--	--

--	--	--	--	--



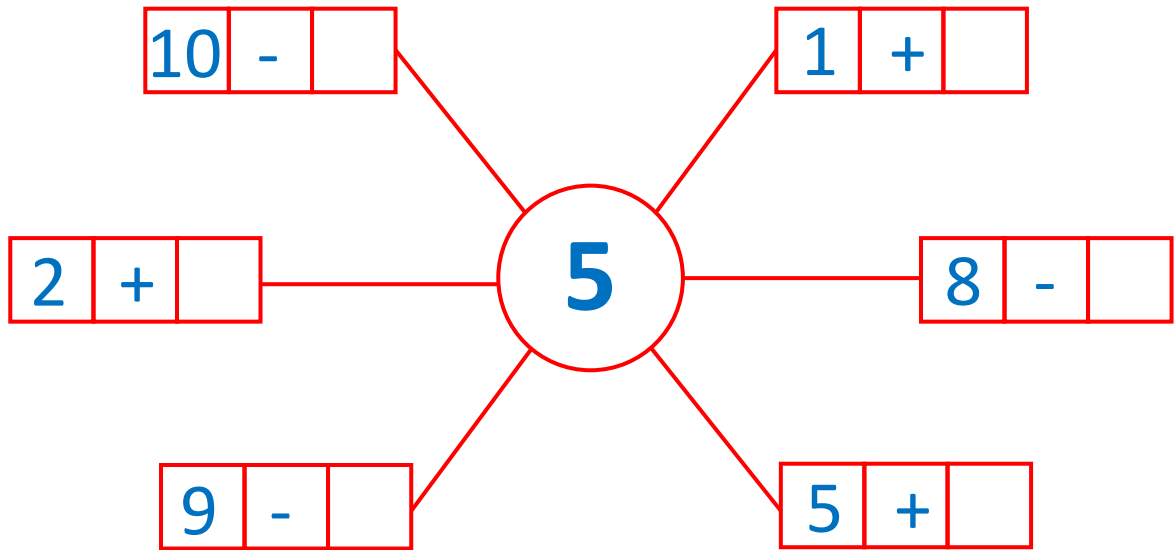
2  Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



LUYỆN TẬP CHUNG

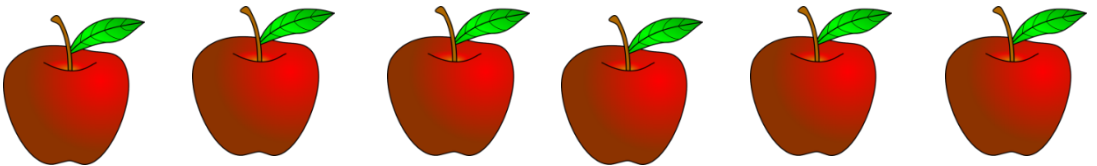


Viết số thích hợp vào ô trống:

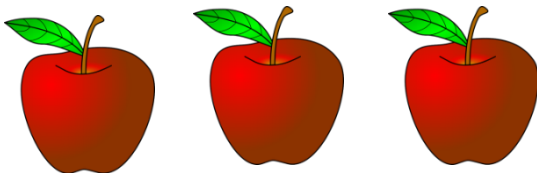


Viết phép tính thích hợp:

Có:



Thêm:

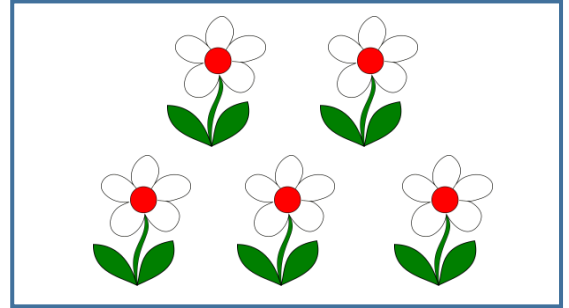
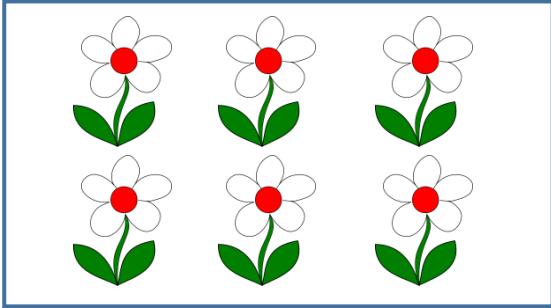


Có tất cả: quả táo?

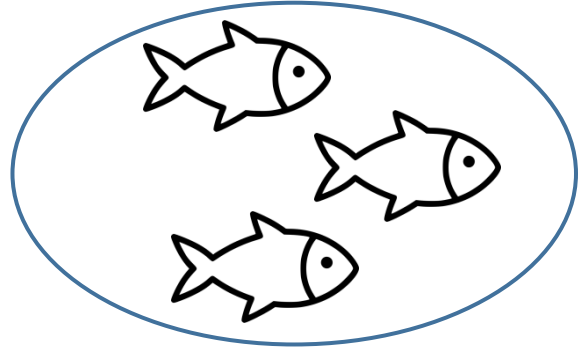
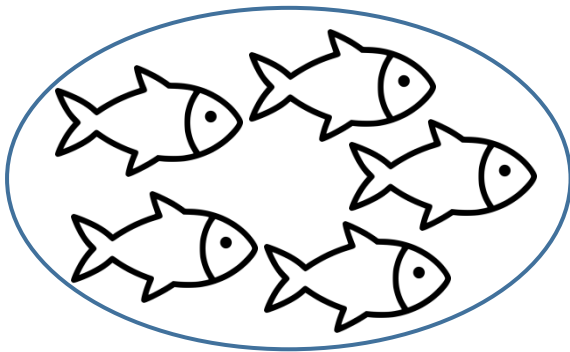
--	--	--	--	--

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tô màu vào bên nhiều hơn:



2 Tô màu vào bên ít hơn:

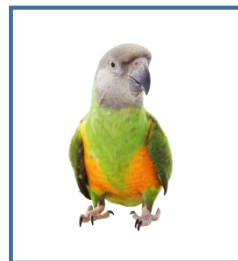
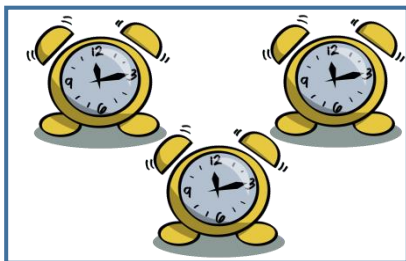


3 Tô màu hồng vào hình vuông, tô màu đen vào hình tròn và tô màu vàng vào hình tam giác:



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Nối hình với số thích hợp:

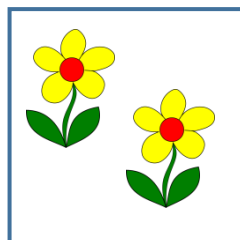
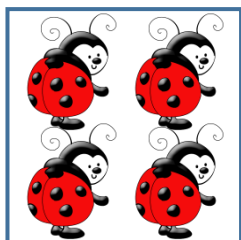
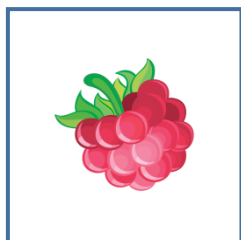
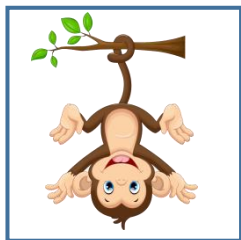
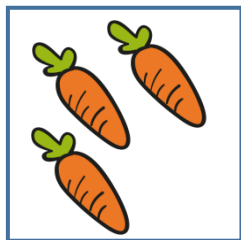


1

2

3

2 Nối những hình có số lượng bằng nhau:



3 Viết số thích hợp:

